

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

-----

**NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**

**QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP  
ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ  
NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI, NĂM 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

-----

**NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**

**QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP  
ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ  
NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CHUYÊN NGÀNH : QUẢN LÝ KINH TẾ  
MÃ NGÀNH : 60 34 04 10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
TS TRẦN HÙNG**

**HÀ NỘI, NĂM 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bản luận văn “**Quản lý thu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương**” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi, chưa từng sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Các số liệu và kết quả sử dụng trong bài luận văn là hoàn toàn trung thực và có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Hồng Liên**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô trong Ban Giám hiệu trường Đại học Thương mại, Khoa sau Đại học đã động viên và tạo mọi điều kiện để tôi có thể hoàn thiện công việc nghiên cứu.

Hơn hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy PGS.TS. Trần Hùng - người đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ, nhân viên Cục Thuế tỉnh Hải Dương, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương đã giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập dữ liệu thực tế.

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Hồng Liên**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	i
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	ii
<b>MỤC LỤC</b> .....	iii
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	vi
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	vii
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài .....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu đề tài.....	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài .....	5
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	6
7. Kết cấu luận văn .....	7
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b> .....	8
<b>1.1. Khái quát về thuế thu nhập doanh nghiệp</b> .....	8
<i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp</i> .....	8
<i>1.1.2. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp trong nền tài chính quốc gia</i> ..	9
<b>1.2. Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh</b> .....	10
<i>1.2.1. Khái niệm và công cụ quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp</i> .....	10
<i>1.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp</i> .....	12
<i>1.2.3. Nội dung quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i> .....	14
<i>1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i> .....	21

<b>1.3. Kinh nghiệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương .....</b>	<b>26</b>
1.3.1. <i>Kinh nghiệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở một số địa phương.....</i>	26
1.3.2. <i>Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương .....</i>	29
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG .....</b>	<b>31</b>
<b>2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương .....</b>	<b>31</b>
2.1.1. <i>Điều kiện tự nhiên.....</i>	31
2.1.2. <i>Điều kiện kinh tế - xã hội .....</i>	31
<b>2.2. Khái quát về Cục Thuế tỉnh Hải Dương.....</b>	<b>33</b>
2.2.1. <i>Cơ cấu tổ chức của Cục Thuế tỉnh Hải Dương.....</i>	33
2.2.2. <i>Tình hình nhân sự của Cục Thuế tỉnh Hải Dương .....</i>	38
<b>2.3. Thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương .....</b>	<b>39</b>
2.3.1. <i>Những đặc điểm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....</i>	39
2.3.2. <i>Tình hình thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương .....</i>	43
2.3.3. <i>Thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương .....</i>	49
<b>2.4. Đánh giá thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....</b>	<b>57</b>
2.4.1. <i>Những ưu điểm .....</i>	57
2.4.2. <i>Những hạn chế và nguyên nhân .....</i>	58

<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG.....</b>	<b>61</b>
<b>3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn .....</b>	<b>61</b>
3.1.1. <i>Quan điểm .....</i>	61
3.1.2. <i>Định hướng.....</i>	62
3.1.3. <i>Mục tiêu.....</i>	63
<b>3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....</b>	<b>64</b>
3.2.1. <i>Cải cách thủ tục hành chính.....</i>	64
3.2.2. <i>Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.....</i>	65
3.2.3. <i>Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm .....</i>	66
3.2.4. <i>Tăng cường công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế.....</i>	68
3.2.5. <i>Tăng cường công tác tổ chức cán bộ.....</i>	69
3.2.6. <i>Phát triển, mở rộng công nghệ thông tin.....</i>	70
<b>3.3. Một số kiến nghị.....</b>	<b>72</b>
3.3.1. <i>Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính .....</i>	72
3.3.2. <i>Kiến nghị với ủy ban nhân dân các cấp.....</i>	73
3.3.3. <i>Kiến nghị với các cơ quan, tổ chức khác liên quan .....</i>	73
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>75</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC BẢNG

### **Bảng**

Bảng 2.1 : Biên chế công chức ngành thuế Hải Dương giai đoạn 2013-2015 ....	38
Bảng 2.2: Số thu thuế Thu nhập doanh nghiệp toàn Cục thuế tỉnh Hải Dương (2013 – 2015) .....	44
Bảng 2.3: Báo cáo kết quả SXKD của các DN có vốn ĐTNN từ năm 2013 đến 2015 tại Cục thuế tỉnh Hải Dương .....	44
Bảng 2.4: Tình hình cấp mã số thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục thuế .....	50
Bảng 2.5: Tình hình nộp tờ khai thuế Thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.....	51
Bảng 2.6: Công tác thu nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Hải Dương .....	52
Bảng 2.7: Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (2013 – 2015) .....	53
Bảng 2.8: Kết quả truy thu thuế hàng năm qua hoạt động thanh tra thuế.....	55

### **Sơ đồ**

Sơ đồ 1: Mô hình phân cấp quản lý tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương .....	35
---	----



**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT****CHỮ VIẾT TẮT**

DN

ĐTNN

ĐTNT

FDI (Foreign Direct Investment)

NSNN

NNT

TNDN

TSCĐ

SXXD

**VIẾT ĐẦY ĐỦ**

Doanh nghiệp

Đầu tư nước ngoài

Đối tượng nộp thuế

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Ngân sách nhà nước

Người nộp thuế

Thu nhập doanh nghiệp

Tài sản cố định

Sản xuất kinh doanh

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng đề ra, trong những năm qua đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các mặt chính trị, kinh tế xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong bối cảnh nước ta đang trên đà phát triển và hội nhập quốc tế mạnh mẽ, Nhà nước ta đã tạo điều kiện, môi trường thuận lợi khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp và các cá nhân, các thành phần kinh tế phát triển và làm giàu trong khuôn khổ pháp luật.

Trước yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước nói chung, quản lý thu thuế nói riêng, nhằm đảm bảo chính sách động viên của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện công bằng xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế, tại Kỳ họp thứ 10 (Khoá XI), Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và có hiệu lực thi hành từ 01/7/2007. Bước chuyển quan trọng được đề cập trong Luật Quản lý thuế là đề cao tính tự chủ của người nộp thuế trong quá trình khai thuế, nộp thuế vào NSNN, đó là cơ chế người nộp thuế tự khai, tự nộp.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (gọi tắt là FDI) đã đóng góp không nhỏ vào việc tăng trưởng kinh tế, tăng nguồn vốn, chuyển giao công nghệ, tăng xuất khẩu, giải quyết việc làm. Tuy nhiên, cho đến nay do hậu quả của khủng hoảng tài chính - tiền tệ Châu Á, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có chiều hướng giảm sút, điều đó đòi hỏi phải tăng cường tính hấp dẫn của các giải pháp thu hút, nhất là vào vai trò quản lý của nhà nước ở tầm vĩ mô.

Cùng với các tỉnh, thành phố trong cả nước trong những năm gần đây với chính sách mở rộng thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương hết sức thông thoáng, hấp dẫn, do đó có nhiều doanh nghiệp tìm đến đầu tư tại Hải Dương. Số lượng các doanh nghiệp mỗi năm một tăng, trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: Đến 31/12/2012 số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh Hải Dương: 234 dự án đến từ 23 quốc gia vùng lãnh thổ; Với số vốn đầu tư đăng

ký: 5 tỷ 645 triệu USD; Số vốn đã được giải ngân trên địa bàn: 2 tỷ 330 triệu USD. Các dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thu hút rất nhiều lao động, tạo ra nhiều công ăn việc làm đồng thời đóng góp một phần quan trọng trong tổng thu ngân sách Nhà nước của tỉnh Hải Dương trong những năm qua.

Số thu của khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hàng năm luôn chiếm một tỷ lệ khá lớn trong tổng số thu ngân sách trên địa bàn, nhưng là sự đóng góp số thu vào ngân sách nhà nước không đồng đều chủ yếu tập trung vào một vài công ty: Công ty TNHH FORD VN và Công ty xi măng Phúc Sơn (Số thu từ 2 công ty này chiếm khoảng 90% số thu ngân sách của khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài). Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài còn lại đóng góp số thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn rất nhỏ, kinh doanh thua lỗ liên tục nhiều năm không tương xứng với quy mô đầu tư.

Đó là một nghịch lý, trong khi số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng nhưng số thu không tăng tương ứng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ chiếm tỷ trọng cao trong tổng số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, có doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, thậm chí số lỗ đã vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu nhưng vẫn tiếp tục mở rộng đầu tư chiều sâu.

Quản lý thu thuế hiện nay còn đang gặp rất nhiều khó khăn khi áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế lại chủ yếu dựa vào sự tự giác của doanh nghiệp trong việc chấp hành Luật thuế và Luật quản lý thuế, nên cũng có không ít các doanh nghiệp đã lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật và cơ chế quản lý để gian lận thuế, trốn thuế. Trong đó tình trạng thất thu thuế là nổi cộm, đặc biệt là thuế Thu nhập doanh nghiệp. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tôi lựa chọn đề tài “ *Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương*”, qua đó góp phần đề xuất giải pháp quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tốt hơn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

## 2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Cho đến nay đã có một số đề tài nghiên cứu xung quanh vấn đề về thuế - quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nói chung. Mỗi đề tài nghiên cứu đều có mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận và mục tiêu cụ thể khác nhau. Để thực hiện đề tài tác giả có tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài như sau:

- Phạm Ngọc Dũng (2013), *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn của Cục thuế tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Thương mại. Luận văn đã tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

- Lê Bá Tiến (2012), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Đà Nẵng. Tài liệu này tác giả đã hệ thống cơ sở lý luận về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng hợp một số kinh nghiệm quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới để rút ra những kinh nghiệm trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp cho Việt Nam. Đồng thời tác giả đã phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm làm rõ những kết quả đã đạt được và nêu lên những hạn chế còn tồn tại. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng .

- Nguyễn Văn Đảm (2013), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*, luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh trường Đại học Nha Trang. Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, nêu lên những thành tựu đã đạt được và những hạn chế cần phải khắc phục trong công tác quản lý. Tác giả đã đưa ra những định hướng và những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý

thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Ngô Thị Cẩm Lệ (2012), *Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thực tiễn trên địa bàn Hà Nội*, luận văn thạc sỹ luật kinh tế trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn phân tích, đánh giá các ưu điểm, bất cập của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Nghiên cứu thực trạng áp dụng pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng luật thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

Cùng với các công trình nghiên cứu trên, tác giả tham khảo thêm các văn bản pháp luật về quản lý thuế, một số sách giáo trình, bài báo khoa học và tạp chí kinh tế:

- Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Liên (2008), *Giáo trình thuế*, Nxb Tài Chính, Hà Nội. Giáo trình trình bày những lý luận chung về thuế, nội dung cơ bản của các sắc thuế.

- PGS. TS Lê Xuân Trường và TS. Nguyễn Đình Chiến (2013), *Nhận diện hành vi gian lận thuế*, Tạp chí tài chính số 9. Bài viết đã đưa ra các hành vi gian lận thuế nội địa và gian lận thuế đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Từ đó đưa ra các giải pháp cơ bản để hạn chế gian lận thuế.

- Nguyễn Ngọc Hùng (2015), *Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp khắc phục thất thu thuế ở Việt Nam*, tham luận tại hội thảo bộ môn thuế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết tập trung phân tích thực trạng thất thu thuế ở nước ta trong thời gian qua, từ đó tìm ra những nguyên nhân dẫn đến thất thu thuế, trên cơ sở đó bài viết đã đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục tình trạng thất thu thuế trong thời gian tới.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu đề tài**

#### **3.1 Mục tiêu chung**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề xuất giải pháp tăng cường quản lý chặt chẽ, đúng pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

### **3.2 Mục tiêu cụ thể**

- Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đánh giá thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong những năm gần đây (2013 - 2015).

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn nghiên cứu.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

## **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Nội dung: Nghiên cứu thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Cục Thuế tỉnh Hải Dương.

Địa điểm: Cục thuế tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Thời gian nghiên cứu đề tài: Luận văn giới hạn sử dụng dữ liệu thứ cấp nghiên cứu thực trạng trong 3 năm gần đây (2013 – 2015) và định hướng đề xuất giải pháp và hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020.

## **5. Phương pháp nghiên cứu đề tài**

Trong luận văn có sử dụng tổng hợp nhiều loại phương pháp nghiên cứu: phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp tổng hợp dữ liệu, phương pháp thống kê, phương pháp đánh giá.

Phương pháp thu thập dữ liệu (thông tin thứ cấp): Luận văn có sử dụng số liệu được tìm kiếm, thu thập từ các loại sách, giáo trình, luận án, luận văn... có liên

quan đến nội dung quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp, hoạt động thu thuế, gian lận thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã liên hệ với các phòng ban chức năng của Cục Thuế tỉnh Hải Dương để thu thập số liệu về tình hình kê khai, thu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thanh tra, kiểm tra thuế, thu nợ và cưỡng chế nợ thuế...

Phương pháp tổng hợp số liệu: phương pháp này được sử dụng để tổng hợp các tài liệu thu thập được từ nhiều nguồn để đưa ra các kết luận, đánh giá phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài. Dựa vào các số liệu đã thu thập được ở trên tiến hành tổng hợp dưới dạng văn bản word, bảng excel, xây dựng các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ...

Phương pháp thống kê mô tả: Dùng để phân tích, phản ánh tình hình, thực trạng về năng lực quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương, xác định những kết quả đã đạt được và những tồn tại cần tháo gỡ, đề xuất những giải pháp hoàn thiện.

Phương pháp đánh giá: Dựa trên các số liệu đã phân tích để đưa ra nhìn nhận, đánh giá đối với thực trạng vấn đề nghiên cứu. Từ đó đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý của Nhà nước, tìm được nguyên nhân, phương pháp hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý này.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

*Về khoa học:* Đề tài đã góp phần hệ thống hóa và sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp; các chỉ tiêu phản ánh kết quả thu thuế và nội dung quản lý nhà nước về thu thuế thu nhập doanh nghiệp; đúc kết kinh nghiệm quản lý nhà nước với hoạt động thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bài học kinh nghiệm cho các Cục Thuế.

*Về thực tiễn:* Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo có giá trị cho công tác đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể đóng góp kinh nghiệm cho các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở các địa bàn khác.

## **7. Kết cấu luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương



## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

#### **1.1. Khái quát về thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp***

###### *1.1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp.*

Thuế gắn liền với sự tồn tại, phát triển của Nhà nước và là một công cụ quan trọng mà bất kỳ quốc gia nào cũng sử dụng để thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Tùy thuộc vào bản chất của Nhà nước và cách thức Nhà nước sử dụng, các nhà kinh tế có nhiều quan điểm về thuế khác nhau.

“Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế” (Nguyễn Thị Liên, giáo trình thuế, 2008, trang 165)

Thuế thu nhập doanh nghiệp xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của thuế. Hiện nay ở các nước phát triển, thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách Nhà nước và thực hiện phân phối thu nhập. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của từng quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Ở Việt Nam, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10/5/1997 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay cho Luật thuế lợi tức.

Cùng với công cuộc cải cách thuế bước I năm 1990, Luật thuế lợi tức đã được ban hành. Tuy nhiên qua 8 năm thực hiện, Luật thuế lợi tức dần dần bộc lộ nhiều nhược điểm và không còn phù hợp với tình hình kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới: giai đoạn mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã được ban hành nhằm đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Ở các nước tuy có sự khác nhau trong cách thiết lập thuế TNDN, nhưng đều quán triệt các nguyên tắc cơ bản nhất định như: phải bao quát được mọi khoản thu nhập phát sinh trong hoạt động của các doanh nghiệp; thống nhất cách xác định thu nhập chịu thuế; nguyên tắc khấu trừ chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế; quy định thời gian để xác định thu nhập chịu thuế; xác định thuế suất thuế TNDN hợp lý.

#### *1.1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Thứ nhất*, thuế TNDN là thuế trực thu, đối tượng nộp thuế TNDN là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là “người” chịu thuế.

*Thứ hai*, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư... Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế TNDN.

*Thứ ba*, thuế TNDN là thuế khấu trừ trước thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập mà các cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư như: Lợi tức cổ phần, lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận do góp vốn liên doanh, liên kết là phần thu nhập được chia sau khi nộp thuế TNDN. Do vậy, thuế TNDN cũng có thể coi là biện pháp quản lý thu nhập cá nhân.

*Thứ tư*, tuy là thuế trực thu song thuế thu nhập doanh nghiệp không gây phản ứng mạnh mẽ bằng thuế thu nhập cá nhân.” (Nguyễn Thị Liên, giáo trình thuế, 2008, trang 166, 167)

#### ***1.1.2. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp trong nền tài chính quốc gia***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta, tất cả các thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh và bình đẳng trên cơ sở pháp luật. Các doanh nghiệp với lực lượng lao động có tay nghề cao, năng lực tài chính mạnh thì doanh nghiệp đó sẽ có ưu thế và có cơ hội để nhận được thu nhập cao; ngược lại các doanh nghiệp với năng lực tài chính, lực lượng lao động bị hạn chế sẽ nhận được thu nhập

thấp, thậm chí không có thu nhập. Để hạn chế nhược điểm đó, Nhà nước sử dụng thuế thu nhập doanh nghiệp làm công cụ điều tiết thu nhập của các chủ thể có thu nhập cao, đảm bảo yêu cầu đóng góp của các chủ thể kinh doanh vào ngân sách Nhà nước được công bằng, hợp lý.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước. Phạm vi áp dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp rất rộng, gồm cá nhân, nhóm kinh doanh, hộ cá thể và các tổ chức kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có phát sinh lợi nhuận. Nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển và ổn định, tăng trưởng kinh tế được duy trì, các chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng mang lại nhiều lợi nhuận thì khả năng huy động nguồn tài chính cho ngân sách Nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp ngày càng dồi dào.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước.

Nhà nước ưu đãi, khuyến khích đối với các chủ thể đầu tư, kinh doanh vào những ngành, lĩnh vực và những vùng, miền mà Nhà nước có chiến lược ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn nhất định. Thuế suất hợp lý và các ưu đãi về thuế trong đầu tư có tác động rất lớn đối với các quyết định đầu tư mới hay mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các ưu đãi đó thường được áp dụng dưới hình thức miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hay một số loại thuế khác trong một thời hạn nhất định sau đầu tư, hay áp dụng thuế suất khác nhau tùy theo vùng hoặc ngành nghề.

## **1.2. Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **1.2.1. Khái niệm và công cụ quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *1.2.1.1. Khái niệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp*

Để có thể hiểu quản lý thuế một cách đúng đắn và đầy đủ thì trước tiên cần hiểu thế nào là *quản lý*. Với mỗi cách tiếp cận khác nhau, “quản lý” được định nghĩa theo các góc độ khoa học khác nhau. Theo Henry Fayol (1886 – 1925) là người đầu tiên tiếp cận quản lý theo quy trình, quan niệm rằng: “*Quản lý là một tiến*

trình bao gồm tất cả các khâu: lập kế hoạch, tổ chức, phân công điều khiển và kiểm soát các nỗ lực của cá nhân, bộ phận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất khác của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra”. [17.,20]. Stephan Robbins quan niệm: “Quản lý là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát những hành động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả các nguồn lực khác của tổ chức nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra”. [17.,21]. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát để đạt được mục tiêu đã đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động. Về phương thức tác động và hiệu lực thì quản lý dựa vào pháp luật và các thể chế, quy chế, nguyên tắc, mô hình đã định trước. Về nội dung chức năng, quản lý bao gồm các việc như xây dựng kế hoạch sắp xếp tổ chức, chỉ đạo điều hành và kiểm soát tiến trình hoạt động. Về phạm vi tác động và hình thức thể hiện: quản lý là một phạm trù rộng, để tiến hành quản lý, chủ thể quản lý phải tiến hành đồng bộ rất nhiều chức năng, trong đó có chức năng lãnh đạo.

Như vậy quản lý thuế là một hệ thống những quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu đảm bảo thu thuế đúng, đủ và công bằng trên cơ sở quy định của pháp luật thuế, bao gồm các hoạt động thu nhận hồ sơ khai thuế, tính toán số thuế phải nộp, đơn đốc thu nộp thuế và tuyên truyền, tư vấn cho người nộp thuế - Theo Tổng cục thuế Latvia. Từ quan điểm trên có thể hiểu quản lý thuế dưới ba góc độ: Quản lý thuế là quá trình vận dụng bản chất, chức năng của thuế để hoạch định chính sách (chính sách điều tiết qua thuế và chính sách quản lý); Là quá trình xây dựng tổ chức bộ máy ngành thuế và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; Là việc vận dụng các biện pháp tác động tới quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế gồm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra thuế...

Sau khi nghiên cứu về thuế TNDN có thể hiểu “*quản lý thu thuế TNDN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế TNDN, để thay đổi quá trình này nhằm tạo nguồn thu cho NSNN và đạt được các mục tiêu nhà nước đặt ra*”.

#### 1.2.1.2. Công cụ quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thu thuế TNDN là một nội dung của quản lý thuế – một lĩnh vực của quản lý hành chính công của Nhà nước. Các công cụ, phương pháp quản lý hành chính Nhà nước cũng chính là các công cụ, phương pháp được sử dụng để quản lý thu thuế TNDN. Công cụ quản lý hành chính Nhà nước là pháp luật, kế hoạch và một số công cụ khác; phương pháp quản lý Nhà nước bao gồm: phương pháp hành chính, phương pháp kinh tế và phương pháp giáo dục.

### ***1.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

#### ***1.2.2.1. Mục tiêu của quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công tác quản lý thu thuế TNDN nhằm các mục tiêu: Đảm bảo nguồn thu thuế TNDN được tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời, thường xuyên ổn định cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế, tạo điều kiện thuận lợi để các DN chấp hành tốt nghĩa vụ thuế; góp phần hoàn thiện các chính sách thuế TNDN phù hợp với điều kiện thực tiễn, phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Một trong những mục tiêu của thuế TNDN là điều tiết thu nhập, đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập của xã hội. Thuế TNDN được áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không những đảm bảo bình đẳng công bằng về chiều ngang mà còn đảm bảo công bằng về chiều dọc. Về chiều ngang, bất kể một doanh nghiệp nào kinh doanh bất cứ hình thức nào nếu có thu nhập chịu thuế thì phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Về chiều dọc, cùng một ngành nghề không phân biệt quy mô kinh doanh nếu có thu nhập chịu thuế thì đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Với mức thuế suất thống nhất, doanh nghiệp nào có thu nhập cao thì phải nộp thuế nhiều hơn (theo số tuyệt đối) doanh nghiệp có thu nhập thấp.

Thuế TNDN góp phần cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Môi trường đầu tư kinh doanh là toàn bộ các nhân tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trước khi Luật Thuế TNDN (sửa đổi) năm 2003 có hiệu lực thi hành, thuế suất thuế TNDN có phân biệt đối với từng thành phần kinh tế, tuy nhiên Luật thuế TNDN (sửa đổi) năm 2003 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004 thực hiện mức

thuế suất thuế TNDN thống nhất đã có tác động khuyến khích và tạo lợi nhuận cho doanh nghiệp tăng tích lũy, tích tụ, trên cơ sở đó có thêm nguồn lực để tăng đầu tư vào nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng. Cùng với việc gia tăng số lượng doanh nghiệp mới thành lập, nhiều doanh nghiệp đang hoạt động cũng thực hiện đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực kinh doanh, tạo thêm việc làm cho xã hội.

Thuế TNDN góp phần bảo đảm nguồn thu quan trọng của NSNN. Thuế TNDN là nguồn thu quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu NSNN. Với xu hướng tăng trưởng kinh tế, quy mô của các hoạt động kinh tế ngày càng được mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao sẽ tạo ra nguồn thu về thuế TNDN ngày càng lớn cho NSNN.

Thuế TNDN cũng góp phần thúc đẩy cải cách hành chính trong quản lý thu thuế. Việc cơ quan thuế chuyển từ cơ chế để doanh nghiệp thực hiện nộp thuế theo thông báo thuế sang cơ chế doanh nghiệp tự khai, tự tính, tự khai, tự nộp thuế và chịu trách nhiệm trước pháp luật đã giảm bớt được thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Đồng thời việc chuyển đổi này cũng tạo điều kiện cho cơ quan thuế tập trung nguồn lực phục vụ cho công tác thu thuế được tốt hơn.

#### *1.2.2.2. Các nguyên tắc của quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp*

Quản lý thu thuế TNDN phải đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tránh thất thu ngân sách nhà nước. Vì thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, từ nguồn ngân sách này nhà nước thực hiện các hoạt động công cộng kinh tế - xã hội - chính trị. Việc đảm bảo thu thuế đúng, thu đủ và kịp thời sẽ góp phần giảm thất thoát ngân sách, đồng thời thực hiện mục tiêu công bằng xã hội của nhà nước. Hơn nữa, thuế TNDN là một công cụ nhằm đảm bảo công bằng xã hội do đó công tác quản lý thu thuế TNDN càng phải đảm bảo tính đúng đắn, phù hợp, công bằng.

Việc quản lý thu thuế TNDN được thực hiện dựa trên cơ sở dự toán và quyết toán thu thuế TNDN của từng đơn vị, địa phương. Công tác dự báo hiệu quả sẽ góp phần tiết kiệm được chi phí cho hoạt động quản lý, đồng thời hạn chế những vướng mắc khó khăn của người nộp thuế, tận thu nguồn ngân sách cho quốc gia.

Việc quản lý thu thuế TNDN phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế. Đây là nguyên tắc luôn luôn song hành trong tất cả các hoạt động quản lý thu thuế nói chung. Bản chất của quản lý nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu vĩ mô, hướng tới xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vì vậy trong bất cứ hoạt động quản lý nhà nước nào thì việc đảm bảo quyền lợi của người dân nói chung, hay chính là người nộp thuế là yêu cầu được đặt lên hàng đầu. Thực hiện công tác quản lý thu thuế đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng chính là nguyên tắc quan trọng, xuyên suốt trong tất cả các hoạt động quản lý mà cơ quan chức năng cần phải thực hiện.

### ***1.2.3. Nội dung quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

#### ***1.2.3.1. Khái niệm và các hình thức đầu tư nước ngoài ở Việt Nam***

Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 quy định: “*Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư*”

Các hình thức đầu tư nước ngoài được quy định trong Luật đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

- Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.

- Đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (hợp đồng PPP) là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án đầu tư.

- Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập tổ chức kinh tế.

#### ***1.2.3.2. Đặc điểm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam cấp giấy phép thành lập hoặc hoạt động kinh doanh theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường là thành viên của các công ty đa quốc gia (công ty mẹ đặt tại một quốc gia và các công ty con được thành

lập ở nhiều nơi trên thế giới). Đặc điểm này khiến cho mối liên kết giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bộ phận khác của công ty đa quốc gia tương đối chặt chẽ và phức tạp. Vì vậy, khiến cho các cơ quan chức năng của ta khó tập trung quản lý, việc can thiệp và kiểm soát các giao dịch tương đối khó khăn.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức quản lý chịu sự chi phối gián tiếp của luật pháp nước cư trú của công ty mẹ nhưng cũng phải chịu sự quản lý của nước sở tại (nước nhận đầu tư) nên việc kiểm soát và theo dõi sẽ gặp nhiều khó khăn. Các công ty này đã có kinh nghiệm lâu năm kinh doanh trên thị trường quốc tế nên có rất nhiều những biện pháp tinh vi đối phó với cơ quan chức năng.

Các doanh nghiệp nước ngoài trong quá trình đầu tư, tiến hành sản xuất kinh doanh vào nước khác thường sử dụng nguồn nguyên liệu, dây chuyền công nghệ từ chính quốc nên rất phức tạp trong việc xác định được giá trị thị trường trong quá trình góp vốn liên doanh ảnh hưởng đến việc xác định chi phí.

Sản phẩm được sản xuất ra thường chịu sự chi phối, bao tiêu của công ty mẹ nên gây cản trở cho các cơ quan chức năng trong việc xác định doanh thu .

Chính từ thực tế đặc thù của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, để có thể chủ động trong việc quản lý, kiểm soát một cách chặt chẽ và có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp thì các cơ quan chức năng cần có những biện pháp cụ thể, có sự tính toán chặt chẽ và lâu dài.

*1.2.3.3. Nội dung quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.*

Các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế có vốn ĐTNN do Cục Thuế trực tiếp quản lý. Việc quản lý thu thuế phải thực hiện theo đúng trình tự quy định của quy trình quản lý thu thuế.

a. Đăng ký và cấp mã số thuế

Sau khi nhận được giấy phép đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp đến liên hệ trực tiếp với Cục Thuế để nhận tờ khai đăng ký thuế theo mẫu quy định. Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên tờ khai, sau đó gửi tờ khai cùng với bản sao giấy phép đầu tư (đã công chứng) cho cơ quan thuế.



Cục thuế tiến hành kiểm tra đầy đủ chính xác các chỉ tiêu trên tờ khai, thực hiện việc cấp mã số thuế cho doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số đăng ký kinh doanh và mã số thuế của doanh nghiệp. Mã số doanh nghiệp tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực và không được sử dụng lại. Đây là bước khởi đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, các chứng từ mua bán, trao đổi hàng hóa - dịch vụ của doanh nghiệp phải được ghi đầy đủ mã số thuế này.

#### b. Khai nộp thuế

Các doanh nghiệp có thể lấy được mẫu tờ khai thông qua phần mềm hỗ trợ tự khai tự nộp trên trang Web của Tổng cục thuế. Thông qua bộ phận một cửa, doanh nghiệp sẽ nộp tờ khai hàng tháng. Phòng Kế khai - Kế toán thuế sẽ tiến hành nhập tờ khai chuyển về các phòng Kiểm tra để tiến hành ra soát, đối chiếu và quản lý. Tuy nhiên từ ngày 01/7/2013, các doanh nghiệp có thể thực hiện kê khai thuế qua mạng Internet. NNT sử dụng dịch vụ kê khai thuế quan mạng được hưởng các lợi ích không nhỏ như: thuận lợi cho người tham gia nộp thuế về chi phí và thời gian, đảm bảo thông tin và số liệu được truyền tới cơ quan thuế một cách chính xác và nhanh chóng. Ngoài ra các doanh nghiệp nộp thuế qua mạng sẽ không bị giới hạn số lần gửi các tờ khai, khi gặp các lỗi sai sót thì vẫn còn thời gian để nộp lại và có thể nộp ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào kể cả ngày lễ và ngày nghỉ trong thời gian từ 0h đến 24h trong ngày. Bên cạnh lợi ích cho doanh nghiệp, cơ quan thuế có thể tránh tình trạng quá đông và áp lực khi có quá nhiều trường hợp đến nộp thuế, giảm được nhân sự tham gia làm việc tiếp nhận hồ sơ và thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin.

Trên cơ sở số liệu kê khai, các doanh nghiệp sẽ tự động trích chuyển phần thuế phát sinh phải nộp vào tài khoản của cơ quan quản lý thuế mở tại kho bạc Nhà nước.

#### c. Miễn thuế, giảm thuế, quyết toán thuế

NNT thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế theo luật thuế tự xác định mức ưu đãi thuế và kê khai thuế theo quy định, trừ những trường hợp pháp luật về thuế có quy định phải lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế gửi cơ quan thuế. Đối với

các trường hợp phải ra quyết định miễn, giảm, các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế cũng phải tiến hành các bước thẩm định nhằm xem xét một cách thận trọng việc miễn, giảm thuế có đúng đối tượng không, căn cứ miễn giảm, thời hạn miễn giảm, thuế suất áp dụng... đã đúng chưa? Cơ quan thuế phải kiểm tra kỹ lưỡng trước khi ban hành quyết định. Quyết định miễn giảm thuế được lưu vào "hồ sơ miễn giảm thuế của NNT" tại bộ phận lưu trữ theo quy định. Việc xử lý miễn, giảm còn căn cứ vào các hiệp định song, đa phương ký kết với các quốc gia khác. Bên cạnh các doanh nghiệp có vốn ĐTNN có pháp nhân tại Việt Nam còn phát sinh hoạt động kinh doanh không pháp nhân như nhà thầu, hợp đồng... Để xét miễn, giảm thuế cho những đối tượng này còn căn cứ vào một số luật bổ sung khác như Luật thuế nhà thầu, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần...

#### - Quyết toán thuế

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp thì NNT kê khai tạm nộp theo quý, tự quyết toán theo năm. Quyết toán thuế TNDN bao gồm quyết toán thuế TNDN năm hoặc quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp. Đây là công việc rất quan trọng và chiếm thời gian nhiều nhất trong công tác quản lý thu thuế, nếu doanh nghiệp và cơ quan thuế làm tốt khâu này thì tác dụng rất lớn trong quản lý thu thuế. Đồng thời góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo quy định của chế độ tài chính hiện hành thì: Các doanh nghiệp đang hoạt động trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm dương lịch (trường hợp đặc biệt có thể là năm tài chính đã đăng ký với Bộ Tài Chính) hoặc trước khi chia, tách sát nhập, giải thể trong vòng 45 ngày NNT phải lập và gửi báo cáo quyết toán thuế, báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán lập và xác nhận với cơ quan thuế.

#### d. Lập hồ sơ người nộp thuế

Phòng Kiểm tra thuế có trách nhiệm tập hợp và quản lý có hệ thống hồ sơ của NNT hàng năm nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý NNT, phòng Kế khai - kê toán thuế có trách nhiệm lưu giữ các tờ khai, bảng kê, chứng từ nộp thuế, quyết định hoàn thuế, phiếu điều chỉnh quyết toán thuế theo đúng chức năng của mình.

Thực hiện đầy đủ quy trình quản lý thu thuế chính là nội dung cơ bản của công tác hành thu, một quy trình khoa học hợp lý sẽ là công cụ tốt để nhà nước thực

hiện tốt chức năng quản lý thu thuế, nâng cao hiệu quả ngành thuế và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

#### đ. Thanh tra, kiểm tra thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện bằng bộ máy của thuế Nhà nước được cụ thể hóa trong Luật thể hiện uy lực, tính nghiêm minh trong việc chấp hành pháp luật về thuế.

Trước hết các phòng Kiểm tra thuế sẽ tiến hành kiểm tra việc chấp hành những quy định về kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp. Nhiệm vụ của kiểm tra thuế là soát xét đánh giá tính đúng đắn, chính xác của tờ khai của doanh nghiệp với tình hình thực tế kinh doanh tại cơ sở, phát hiện những sai sót và những điều bất thường trong tờ khai của các doanh nghiệp.

Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ thống kê - kế toán, hoá đơn chứng từ. Trong thực tế có rất nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lợi dụng hoá đơn chứng từ và đặc thù kinh doanh đưa trở về công ty mẹ bao tiêu sản phẩm để trốn lậu thuế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Đồng thời thanh tra thuế sẽ giúp kiểm tra tính chính xác của các số liệu kế toán làm căn cứ tính thuế.

Thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước. Quá trình thanh tra đối với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ giúp phát hiện những trường hợp nộp thiếu, nộp chậm số thuế.

Công tác thanh tra thuế với doanh nghiệp có vốn ĐTNN còn có vai trò trong việc tuyên truyền phổ biến và mang tính răn đe đối với các đối tượng nộp thuế. Soát xét và phát hiện những yếu kém và bất cập, hướng dẫn, sửa chữa kịp thời những sai sót còn tồn tại trong công tác kê khai và nộp thuế của từng doanh nghiệp.

Một nhiệm vụ cũng rất quan trọng của thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp là giải quyết và xử lý kịp thời những khiếu kiện về thuế. Làm tăng tính công bằng và nghiêm minh cho tất cả các đối tượng nộp thuế.

Để công tác thanh tra, kiểm tra thuế được hiệu quả thì việc thường xuyên tiến hành kiểm tra, theo dõi mọi biến động của các doanh nghiệp kết hợp thanh tra đột xuất hoặc định kỳ là một việc làm cần thiết.

Công tác thanh tra, kiểm tra chỉ có thể đạt được hiệu quả khi nó đảm bảo tính khách quan, trung thực, rõ ràng, sâu sát khi đưa ra kết luận và đặc biệt phải dựa trên cơ sở các văn bản pháp quy của nhà nước, tuyệt đối không được gây phiền hà, sách nhiễu cho các doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra.

#### e. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Nợ thuế là một thực trạng phổ biến thường gặp trong công tác quản lý thuế hiện nay. Tình trạng nợ thuế luôn diễn biến phức tạp với nhiều nguyên nhân, mức độ và tính chất khác nhau. Nợ thuế nếu không được theo dõi chính xác, quản lý chặt chẽ và có các biện pháp đôn đốc kịp thời, hiệu quả sẽ tạo ra sự bất bình đẳng trong kinh doanh giữa những người nộp thuế, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của Ngân sách Nhà nước, để lại những hậu quả xấu, làm giảm hiệu lực pháp luật và giảm chất lượng công tác quản lý thuế.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ thu nợ, cơ quan thuế cần áp dụng đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ thuế như: Gọi điện, nhắn tin, gửi thư điện tử, gửi thông báo nợ đến người nợ thuế, đưa tin lên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các trường hợp nợ thuế lớn.. Đối với các khoản nợ quá hạn cần cưỡng chế, phải phối hợp với Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước thực hiện phong tỏa tài khoản và trích tiền từ tài khoản của đối tượng nợ thuế chuyển nộp ngân sách, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Công chức được phân công quản lý nợ thuế, đối chiếu xác định chính xác số tiền thuế nợ của từng người nộp thuế; phân loại các khoản nợ thuế; theo dõi, nắm bắt diễn biến, tình trạng nợ để xây dựng kế hoạch, biện pháp thu nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ thuế; thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm đối với các trường hợp chậm nộp, chây ì nợ thuế. Tiến hành thu thập, xác minh thông tin người nợ thuế một cách linh hoạt, phù hợp với từng đặc điểm doanh nghiệp để có thông tin chính xác. Tăng cường kiểm tra các hồ sơ khai thuế sai, nếu phát hiện không đúng, yêu cầu người nộp thuế điều chỉnh kịp thời tránh tình trạng khi phát hành thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp không chính xác...; thực hiện phối hợp giữa các bộ phận trong cơ quan thuế, như:

Thanh tra, Kiểm tra và Kê khai kế toán thuế nhằm xác định đầy đủ, chính xác số tiền thuế còn nợ để kịp thời đôn đốc thu nợ thuế, kiểm tra tình hình tài chính, tài sản xác định thông tin chính xác phục vụ công tác cưỡng chế thu hồi nợ thuế.

f. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tuyên truyền, hỗ trợ NNT là một nội dung quan trọng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của NNT, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của ngành và tạo mối quan hệ gắn kết giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

Một trong những tiêu chí để đánh giá hoạt động của cơ quan thuế tốt là tính hiệu quả mang lại và được thể hiện rõ nét nhất chính là tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế, tự nguyện cao trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước của NNT. Tạo lập được mối quan hệ bình đẳng, thân thiện giữa cơ quan quản lý thuế và NNT theo hướng NNT là người được phục vụ, là “khách hàng” của cơ quan thuế và cơ quan thuế là người phục vụ đáng tin cậy nhất của NNT. Cơ quan thuế và NNT là bạn đồng hành trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Để việc thu - nộp thuế đạt hiệu quả phải xuất phát từ việc nâng cao ý thức của người nộp thuế cũng như của cán bộ, công chức thuế. Vì vậy, hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác thu thuế. Quản lý nhà nước với hoạt động này chính là việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho năm thực hiện về số lượng buổi tập huấn, gặp gỡ doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch tuyên truyền bằng truyền thông, mức kinh phí cho việc in ấn pano, áp phích, biển quảng cáo. Đồng thời quản lý hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ còn gồm việc tổ chức, phân công cho từng phòng ban, công chức ngành thuế thực hiện công tác hỗ trợ, giải đáp các thắc mắc cho người nộp thuế tới từng doanh nghiệp, đơn vị ở các cấp địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền hỗ trợ có thể thực hiện bằng cách cuộc thi tìm hiểu về Luật thuế, chính sách thuế tổ chức tại các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

### ***1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

#### ***1.2.4.1. Yếu tố bên ngoài***

##### ***a. Yếu tố kinh tế - xã hội***

Quản lý thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài nói riêng là hoạt động có liên quan đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của một nước. Ở đâu có hoạt động kinh tế hay có thu nhập đối với một tổ chức, cá nhân thì ở đó có hoạt động quản lý thu thuế. Vì vậy, để thực hiện quản lý thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp tốt, môi trường xã hội, môi trường pháp lý nói chung và về thuế nói riêng phải được ban hành và thực hiện một cách đồng bộ. Một số tác động chủ yếu của những môi trường này tác động đến quản lý thu thuế như sau:

Về môi trường pháp luật của nước ta tuy đã được quan tâm và ngày càng hoàn thiện nhưng hệ thống văn bản pháp luật vẫn còn chông chéo, thiếu những chế tài theo luật định. Điều này tạo nên nhiều kẽ hở mà khi phát hiện lại không có chế tài pháp lý để ngăn chặn. Ngoài ra, tình trạng thiếu văn bản hướng dẫn thi hành cùng với sự thay đổi liên tục của các văn bản khiến cả doanh nghiệp và cán bộ thuế đều khó thực hiện trong quá trình áp dụng chính sách thuế mới.

Khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới đã làm cho tốc độ phát triển kinh tế chậm lại trong thời gian đầu áp dụng thuế TNDN năm 2008. Nước ta thuộc nước đang phát triển nhưng lại chưa thực hiện tốt chính sách tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư.

Trình độ thanh toán của nền kinh tế Việt Nam nói chung còn lạc hậu. Phương thức thanh toán thông qua ngân hàng vẫn chưa được xem là phương thức thông dụng và có hiệu quả đối với đa số người dân Việt Nam.

Sự thắt chặt tín dụng, lãi suất ngân hàng quá cao cộng với sự chênh lệch tỷ giá là một trong những khó khăn trong việc huy động vốn, duy trì nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Bên cạnh những khó khăn trên, tình hình kinh tế nước ta cũng có những thuận lợi đáng kể: Tuy kinh tế nước ta chịu tác động tiêu cực từ sự suy thoái kinh tế thế giới, nhưng ở mức độ không nhiều. Tình hình chính trị, xã hội ổn định đã và đang là nhân tố tích cực để các doanh nghiệp, hộ gia đình yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Xu hướng phục hồi kinh tế cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu của Chính phủ đã tác động đến niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới không ngừng tăng lên tăng lên qua các năm.

Về chính sách thuế và chiến lược cải cách hệ thống thuế, Việt Nam đã phê chuẩn chiến lược cải cách thuế cho giai đoạn từ 2011-2020 để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường đồng thời tăng cường các nguồn thu, tăng năng lực sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước.

#### *b. Yếu tố người nộp thuế*

Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế TNDN nói riêng tỷ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi người nộp thuế có ý thức chấp hành luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế; hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Từ đó, công tác quản lý thu thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Nếu người nộp thuế có ý thức chấp hành luật thuế kém sẽ tìm mọi cách trốn, tránh thuế nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế dẫn đến làm giảm hiệu quả của công tác quản lý thu thuế. Thực tế, khi người nộp thuế nhận thức được quyền lợi họ sẽ được hưởng những hàng hóa, dịch vụ công cộng mà Nhà nước cung cấp họ sẽ thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Nhà nước là đóng thuế cho nhà nước.

Tóm lại, ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế cũng ảnh hưởng một phần tới công tác quản lý thu thuế TNDN. Ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế có thể được nâng cao dần qua quá trình tuyên truyền, giáo dục.

#### *c. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế có liên quan đến thuế quan*

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, với những cam kết về thuế quan của Việt nam với thế giới, đòi hỏi chính sách thuế phải mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo công bằng nhất, rõ ràng minh bạch và đơn giản nhất, nhưng cũng thể hiện tính linh

hoạt, thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN ở Việt Nam nhằm tạo động lực khuyến khích mọi chủ thể tích cực bỏ vốn đầu tư, góp phần thực hiện được mục tiêu kinh tế.

Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và những cam kết quốc tế về thuế quan mà Việt Nam ký kết tham gia có tác động không nhỏ đến cơ chế quản lý thuế. Theo những cam kết này, cơ quan thuế phải xây dựng một lộ trình về cắt giảm thuế quan, xây dựng các chuẩn về danh mục mặt hàng đánh thuế đối với kinh tế khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia, cải cách thủ tục hành chính thuế quan... Điều đó đặt ra cho ngành thuế một yêu cầu, mục tiêu cấp bách là phải hoàn thiện cơ chế quản lý thuế theo xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Đòi hỏi của xã hội là minh bạch, lành mạnh nền kinh tế. Thuế phải công bằng, công khai, minh bạch nhằm tạo động lực khuyến khích và tích cực bỏ vốn đầu tư, góp phần thực hiện được mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tính công bằng, công khai minh bạch của thuế thể hiện trước hết ở nội dung các quy định trong chính sách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng cho mọi đối tượng, trong đó có các doanh nghiệp. Chính sách minh bạch là cơ sở cho việc thực thi chính sách thuận lợi, việc thu thuế đảm bảo công bằng, nhanh chóng và hiệu quả, hạn chế phát sinh tiêu cực. Chính sách minh bạch là yếu tố đảm bảo công bằng về nghĩa vụ giữa các doanh nghiệp, giữa các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế, từ đó củng cố lòng tin của các chủ thể kinh tế, các doanh nghiệp đối với Nhà nước. Một chính sách thuế minh bạch sẽ làm tăng tính trung lập của thuế, đồng thời, góp phần thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ

*d. Sự phối kết hợp của các tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế đối với các doanh nghiệp*

Trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức, cá nhân với việc quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp chưa được quy định đầy đủ, rõ ràng trong các văn bản pháp luật hóa sẽ dẫn đến tình hình là các tổ chức, cá nhân này không thực hiện việc cung cấp thông tin và phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong điều tra xác định mức thuế, thực hiện cưỡng chế về thuế...



#### *1.2.4.2. Yếu tố bên trong*

##### *a. Cơ cấu tổ chức bộ máy và trình độ đội ngũ cán bộ quản lý thuế đối với các doanh nghiệp*

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong cơ quan thuế tuy đã được kiện toàn một bước theo Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc Chi cục thuế nhưng thực trạng vẫn còn chôngchéo, chưa chuyên sâu, chuyên nghiệp. Cơ quan thuế chưa được giao điều tra, khởi tố các vụ vi phạm về thuế, chức năng cưỡng chế thu nợ thuế chưa được quy định rõ nên việc xác định và xử lý chưa kịp thời các gian lận lớn về thuế và xử lý nợ đọng gặp nhiều khó khăn.

Cơ quan thuế còn thiếu chức năng khởi tố, điều tra các vụ vi phạm pháp luật về thuế. Vì vậy, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp và tính chuyên nghiệp của hệ thống thuế trong việc điều tra, khởi tố các hành vi, thủ đoạn gian lận tiền thuế, chiếm đoạt tiền hoàn thuế. Các công việc trên đều phải chuyển qua các cơ quan pháp luật thực hiện nên kết quả rất hạn chế do các cơ quan này không mang tính chuyên nghiệp, diện bao quát lớn, nên không thể điều tra nhanh, làm cho việc xử lý các trường hợp vi phạm về thuế không kịp thời, giảm hiệu quả quản lý và tác dụng giáo dục trong việc thực thi pháp luật thuế.

Đại bộ phận cán bộ thuế hiện nay chưa có kỹ năng chuyên sâu, khả năng ứng dụng các tiến bộ công nghệ tin học vào quản lý thuế hiện nay chưa phù hợp với yêu cầu quản lý hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính thuế, thậm chí một bộ phận cán bộ quản lý thuế chưa nắm vững và thực hiện tốt các chính sách thuế và quy trình biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế hiện hành. Thái độ và phong cách ứng xử của một bộ phận cán bộ thuế chưa thật tận tụy, công tâm, khách quan, văn minh, lịch sự, chưa coi đối tượng nộp thuế là khách hàng quan trọng nhất để nâng cao chất lượng phục vụ, chưa trở thành người bạn đồng hành của đối tượng nộp thuế trong việc thực hiện các luật thuế, thậm chí có biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm.

Việc quản lý thuế chưa dựa trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích đánh giá theo các tiêu thức quản lý để phân loại, lựa chọn phương thức theo mức độ rủi ro

phù hợp với đặc điểm, trình độ của từng loại đối tượng nộp thuế. Thông tin và dữ liệu trong chương trình quản lý thuế chưa bảo đảm phản ánh đúng, đủ và kịp thời nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp.

Việc lưu giữ thông tin toàn ngành thuế đang được triển khai chưa phát huy hết tác dụng; việc phân tích, xử lý thông tin và phân loại tình hình chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp chưa có căn cứ định lượng, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và ước lượng định tính nên không thể hiện tính khoa học.

Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về thuế của cơ quan thuế chưa được đặt đúng tầm và chưa phù hợp. Bởi lẽ, trình độ dân trí thấp, nhận thức trách nhiệm pháp luật chưa cao; tình trạng gian lận về thuế còn khá phổ biến ở nhiều khoản thu, sắc thuế nhưng chưa được phát hiện, truy thu kịp thời cho ngân sách nhà nước. Do đó, vừa thất thu cho ngân sách nhà nước, vừa chưa thật sự bảo đảm công bằng xã hội và tính nghiêm minh về pháp luật thuế; các vụ án lớn về thuế, đặc biệt là các hành vi tội phạm chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng không được làm rõ và kịp thời thu hồi đầy đủ cho ngân sách nhà nước.

*b. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho quản lý thuế*

Hệ thống thông tin trong quản lý đóng vai trò quan trọng trong mục tiêu giảm chi phí tuân thủ, đảm bảo hiệu quả trong giao dịch.

Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu thuế đạt hiệu quả cao. Khoa học công nghệ phải hỗ trợ mạnh mẽ, tích cực cho quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

*Một là*, xây dựng và cập nhật hệ thống số liệu lịch sử về doanh nghiệp một cách đầy đủ. Hệ thống quản lý được nối mạng toàn quốc và có sự đối chiếu thông tin một cách tự động.

*Hai là*, xây dựng phần mềm phân tích phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra như: phân loại đối tượng thanh tra, kiểm tra; phân tích kê khai, phân tích báo cáo tài chính, đối chiếu hóa đơn...

*Ba là*, kết nối với hệ thống thông tin trong nội bộ ngành và các ngành kinh tế có liên quan cũng như với các doanh nghiệp để cung cấp thông tin hỗ trợ lẫn nhau.

### **1.3. Kinh nghiệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương**

#### ***1.3.1. Kinh nghiệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở một số địa phương***

##### ***1.3.1.1. Tại Cục Thuế Thành phố Hà Nội***

Trong những năm qua số thu về thuế và phí trên đại bàn thủ đô luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu pháp lệnh do Tổng cục Thuế - Bộ tài chính cũng như kế hoạch phân đấu do Hội đồng nhân dân Thành phố giao cho. Tỷ lệ tăng thu cho NSNN hàng năm đạt mức tăng cao, bình quân năm trước đạt mức tăng trên 17%, riêng số thu của các doanh nghiệp ĐTNN tăng 27%/năm. Năm 2015, tổng thu ngân sách cân đối của Cục thuế Hà Nội đạt trên 140.000 tỷ đồng, vượt thu so với dự toán trên 12.000 tỷ đồng.

Công tác đăng ký, cấp mã, xử lý tờ khai chứng từ nộp thuế: Tính đến tháng 11 năm 2015 Cục Thuế Hà Nội đã có 98,6% doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện kê khai thuế qua mạng và 93,4% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử, chiếm gần 20% tổng số doanh nghiệp cả nước

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế: Nhận thức thanh tra thuế là một chức năng cực kỳ quan trọng trong công tác quản lý thuế, vì vậy ngay từ khi thành lập, Cục Thuế Hà Nội đã chú trọng xây dựng hệ thống thanh tra được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Công tác thanh tra ngày càng được mở rộng, các doanh nghiệp bị thanh tra ngày càng tăng nhờ đó số thuế truy thu được qua công tác thanh tra cũng tăng qua các năm

Việc đẩy mạnh công tác thanh tra, xử lý các vi phạm về thuế đã góp phần răn đe ngăn chặn các hành vi gian lận về thuế mà trước tiên là ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng thành lập “doanh nghiệp ma”. Điều này góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế: Việc triển khai quy trình thu nợ và cưỡng chế nợ thuế chặt chẽ và sát sao, số nợ đọng thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Hà Nội ngày càng giảm từ 6% tổng thu ngân

sách trong những năm trước đó xuống còn 4% tổng thu ngân sách trong vài năm gần đây.

### *1.3.1.2. Tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc*

Được sự phân công và lãnh đạo trực tiếp của Cục thuế tỉnh Vĩnh phúc, phòng Kiểm tra thuế số 1 đã tổ chức sắp xếp, phân công từng cán bộ theo dõi và quản lý từng ĐTNT cụ thể. Từng cán bộ thuế đã thường xuyên bám sát từng doanh nghiệp mà mình được phân công, tăng cường hướng dẫn đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng.

Lãnh đạo Cục thuế và các cán bộ thể phòng Kiểm tra thuế số 1 luôn sát sao quản lý trên 250 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ĐTNN. Lãnh đạo Cục thuế chỉ đạo cho cán bộ quản lý mở đầy đủ hồ sơ theo dõi chặt chẽ quá trình SXKD, cũng như tình hình thay đổi, biến động của từng đối tượng, nhằm đảm bảo thông tin kịp thời, đầy đủ phục vụ tốt cho công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN.

Đối với các doanh nghiệp mới phát sinh, các doanh nghiệp này sau khi nhận được quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; Cục thuế đã chỉ đạo cho phòng Kiểm tra thuế số 1 phân công cho cán bộ trực tiếp quản lý để tiện liên hệ với đơn vị, nhằm đôn đốc hướng dẫn đơn vị thực hiện các thủ tục quản lý theo quy định của nhà nước và lập hồ sơ doanh nghiệp mới. Sau khi doanh nghiệp được cấp mã số thuế, cán bộ trực tiếp quản lý doanh nghiệp mới sẽ mời Giám đốc và Kế toán trưởng doanh nghiệp lên chào hỏi và phổ biến những chế độ chính sách hiện hành của nhà nước, hướng dẫn chế độ kê khai, tính thuế, nộp thuế, thanh quyết toán thuế theo quy định của nhà nước; đồng thời thống nhất cách làm việc sao cho hiệu quả nhất và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp mới hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ với nhà nước. Do đó công tác quản lý đối tượng nộp thuế mới phát sinh có điều kiện quản lý chặt chẽ và tránh được những sai sót lớn xảy ra trong quá trình quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới thành lập.

Đi cùng với việc quản lý chặt chẽ doanh nghiệp, Cục thuế tỉnh Vĩnh phúc cũng chỉ đạo cán bộ thuế tăng cường ra soát các đối tượng nộp thuế thuộc các lĩnh vực như các doanh nghiệp thuộc các dự án ODA, sự nghiệp có thu, doanh nghiệp

trong khu công nghiệp,... về quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói riêng, làm rõ mối quan hệ giữa thuế TNDN và thuế TNCN.

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác quản lý các doanh nghiệp, Cục thuế tỉnh Vĩnh phúc đã chỉ đạo thực hiện đúng quy trình quản lý thuế đối với doanh nghiệp; chỉ đạo phân công từng cán bộ quản lý đơn vị theo từng địa bàn, từng lĩnh vực theo đúng năng lực, sở trường nhằm phát huy tối đa khả năng của mỗi các bộ thuế để hoàn thành công việc sao cho hiệu quả nhất. Đồng thời, thực hiện luân chuyển cán bộ quản lý các doanh nghiệp để đảm bảo khách quan trong công việc cũng như hiệu quả trong quản lý.

### *1.3.1.3. Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng*

Về công tác tuyên truyền hỗ trợ: thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền để người nộp thuế nắm bắt đầy đủ chính sách. Cục Thuế định kỳ tổ chức các buổi tập huấn cho các doanh nghiệp khi có thay đổi về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, giúp các đơn vị nắm bắt kịp thời văn bản chính sách. Cục Thuế xây dựng, lập kế hoạch và chỉ đạo các bộ phận trong đơn vị. Đồng thời phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện thống nhất công tác tuyên truyền trong toàn thành phố. Kế hoạch tuyên truyền hàng năm được UBND thành phố phê duyệt trong đó quy định kế hoạch tuyên truyền của ngành thuế, các cơ quan tuyên truyền, tuyên truyền với nội dung trọng tâm, trọng điểm, thời gian tuyên truyền, hình thức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, báo chí.

Về công tác đăng ký thuế: được tăng cường và hoàn thiện, rút ngắn thời gian cấp mã số thuế từ 30 ngày xuống còn 5 ngày.

Về công tác nộp thuế: Hiện nay các Doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng thực hiện nộp NSNN qua hệ thống ngân hàng thương mại, theo đó NNT có thể nộp tại nhiều địa điểm khác nhau, nộp ngoài giờ hành chính, vào ngày nghỉ, sử dụng thẻ ATM.

Về công tác kiểm tra thuế: Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế được quan tâm và coi đây là một bước phân tích, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế để lựa chọn đối tượng kiểm tra tại trụ sở NNT.

- Kiểm tra tại trụ sở NNT được thực hiện theo kế hoạch và áp dụng đối với trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

Về công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế: Số nợ thuế của từng doanh nghiệp được kiểm soát phân loại, theo dõi chặt chẽ giúp cho việc điều hành quản lý thu thuế được thuận lợi; nguyên nhân của từng khoản nợ thuế được xác định cụ thể làm cơ sở áp dụng các biện pháp thu nợ phù hợp và hiệu quả hơn.

### ***1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương***

Qua việc nghiên cứu kinh nghiệm của các tỉnh có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương như sau:

*Một là*, tập trung phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ NNT về các chính sách và thủ tục hành chính thuế, nhất là các quy định mới được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để NNT biết những lợi ích thiết thực của việc kê khai, nộp thuế điện tử từ đó tích cực tham gia, thực hiện, phấn đấu đạt mục tiêu 100% doanh nghiệp thực hiện khai thuế điện tử. Thường xuyên đưa tin về hoạt động của ngành thuế, phản ánh những hoạt động của ngành thuế hướng tới NNT, đồng hành cùng NNT, tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho NNT.

*Hai là*, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cần chú trọng công tác quản lý kê khai, kế toán thuế và hoàn thuế. Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu giữa tình hình thực tế với hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế đảm bảo kiểm soát, nắm bắt, theo dõi và quản lý thuế kịp thời. Chú trọng việc rà soát thông tin người nộp thuế trên ứng dụng, kịp thời đôn đốc người nộp thuế bổ sung thông tin thay đổi gửi cơ quan thuế để cập nhật thông tin phục vụ cho công tác quản lý thuế. Đẩy mạnh việc giám sát, đôn đốc kê khai thuế, để công tác quản lý, giám sát kê khai thuế ngày càng được chặt chẽ và tạo đà cho những chuyển biến tích cực như số lượng tờ khai phải nộp, đã nộp, nộp đúng hạn cần tăng lên cả về mặt số lượng và chất lượng thể hiện ý thức chấp hành kê khai thuế của người nộp thuế được nâng lên rõ rệt.

*Ba là*, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra theo cơ chế rủi ro; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra chống các hành vi gian lận, trốn thuế, chống các hoạt động chuyển giá thông qua giao dịch liên kết. Đồng thời phối hợp các cơ quan ban

ngành địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế, có các giải pháp đề phòng, xử lý, ngăn chặn kịp thời đối với các hành vi chiếm đoạt tiền thuế.

*Bốn là*, tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế góp phần tăng thu NSNN và giảm thiểu nợ thuế. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, các quy trình về công tác quản lý nợ thuế, kiên quyết cưỡng chế tài khoản, cưỡng chế hóa đơn ... đối với các doanh nghiệp nợ thuế đúng quy định hiện hành.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

#### **2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương**

##### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

Hải Dương là một tỉnh nằm ở đồng bằng sông Hồng, thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Việt Nam. Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hải Dương nằm cách thủ đô Hà Nội 57 km về phía đông, cách thành phố Hải Phòng 45 km về phía tây. phía tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp thành phố Hải Phòng, phía nam giáp tỉnh Thái Bình và phía tây giáp tỉnh Hưng Yên. Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hải Dương hiện là đô thị loại 2.

Hải Dương nằm giữa 3 tỉnh khu tam giác kinh tế Đông bắc phát triển khá mạnh, có đường giao thông thuận tiện nối liền giữa Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng; giữa Hà Nội - Hải Dương - Quảng Ninh, có các cảng biển lớn như cảng biển Chùa Vẽ (Hải phòng), cảng biển Cái Lân (Quảng Ninh), sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) rất thuận tiện cho việc giao thông cả đường bộ, đường biển và đường hàng không. Đặc biệt trong những năm gần đây với chính sách mở rộng thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương hết sức thông thoáng hấp dẫn do đó có nhiều doanh nghiệp tìm đến đầu tư tại Hải Dương, số lượng các doanh nghiệp mỗi năm một tăng. Trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ( FDI). Các dự án đầu tư của doanh nghiệp FDI chủ yếu tập trung vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thu hút rất nhiều lao động, tạo ra nhiều công ăn việc làm đồng thời đóng góp một phần quan trọng trong tổng thu ngân sách Nhà nước của tỉnh Hải Dương trong những năm qua.

##### **2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Trong những năm gần đây, kinh tế tỉnh đã có sự tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước, đời sống nhân dân được nâng lên. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 7,9%/năm (theo giá



cổ định năm 2010), cao hơn bình quân cả nước (mục tiêu tăng 11%/năm). Năm 2015, quy mô kinh tế tỉnh (GRDP giá hiện hành) đạt 76.734 tỷ đồng, gấp 1,83 lần năm 2010; GRDP bình quân đầu người đạt 2.000 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh; tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ chuyển dịch từ 20,1% - 47,7% - 32,2% năm 2010 sang 15,9% - 52,5% - 31,6% năm 2015. Cơ cấu lao động tương ứng chuyển dịch từ 47,9% - 31,4% - 20,7% năm 2010 sang 36,5% - 35,0% - 28,5% năm 2015. Triển khai và đạt kết quả bước đầu trong tái cơ cấu kinh tế, nhất là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu đầu tư công; tăng tỷ trọng huy động vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước từ 68,4% năm 2010 lên 72,1% năm 2015. Lĩnh vực văn hoá, xã hội có bước phát triển mới; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, công tác quốc phòng và quân sự địa phương được củng cố và tăng cường; công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến rõ rệt; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được nâng lên.

Điểm nhấn quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Hải Dương là thành công trong thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh. Không những thành công trong việc thu hút vốn đầu tư trong nước mà cả nguồn vốn trực tiếp nước ngoài. Đối với thu hút đầu tư, Hải Dương đã xây dựng những khu, cụm công nghiệp tại địa bàn nhiều huyện, thị xã, có những chính sách ưu đãi thu hút đầu tư như: chính sách ưu đãi về thuê đất, giải phóng mặt bằng, giảm tối đa các thủ tục ban đầu cho các nhà đầu tư, phối hợp đồng bộ giữa các ngành, giải quyết triệt để những vướng mắc nảy sinh như môi trường, lao động, an ninh trật tự, chính sách khuyến khích về vay vốn đối với những làng nghề truyền thống, đặc biệt là cơ chế một cửa đã thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Chính phủ đã cho phép Hải Dương quy hoạch, đầu tư xây dựng 18 khu công nghiệp tập trung, với diện tích gần 4.000 ha. Trong đó, 10 khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, với diện tích 2.086 ha, tỷ lệ lấp đầy bình quân của các khu công nghiệp đã được giao đất và xây dựng hạ tầng đạt khoảng 60%. Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp đã thực hiện là 2.180/5.970 tỷ đồng dự kiến, đạt 50%. Ngoài ra, tỉnh đã phê duyệt quy hoạch 38 cụm công nghiệp, với diện tích gần 1.600 ha.

Đến nay, Hải Dương đã thu hút được 252 dự án đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký đạt 6,48 tỷ USD. Dẫn đầu về số vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh là Hồng Kông dẫn đầu với 2,88 tỷ USD (chiếm 44,4% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Hải Dương) trên 30 dự án. Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 1,05 tỷ USD (chiếm 16,2% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Hải Dương) trên 62 dự án. Đài Loan đứng thứ ba, có 51 dự án với tổng vốn đầu tư là 427,2 triệu USD (chiếm 6,6% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Hải Dương). Còn lại là nhà đầu tư đến từ các quốc gia khác như Hàn Quốc, Samoa, Singapore...

Trong thời gian trở lại đây, Hải Dương đang thực sự trở thành vùng động lực phát triển kinh tế, công nghiệp, dịch vụ tập trung trên trục kinh tế giữa đô thị hạt nhân TP Hà Nội, TP Hải Phòng và TP Hạ Long trong đó đô thị Hải Dương đóng vai trò trung tâm cấp vùng, phát triển công nghiệp nhẹ, kỹ thuật cao và hỗ trợ phát triển các loại công nghiệp chế biến của vùng đồng bằng phía Nam, Đông Nam đồng bằng sông Hồng.

Với lợi thế và tiềm năng to lớn, trong những năm qua Hải Dương đã thu hút được nhiều dự án lớn, làm thay đổi đáng kể vị trí của tỉnh so với các địa phương trong cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

## **2.2. Khái quát về Cục Thuế tỉnh Hải Dương**

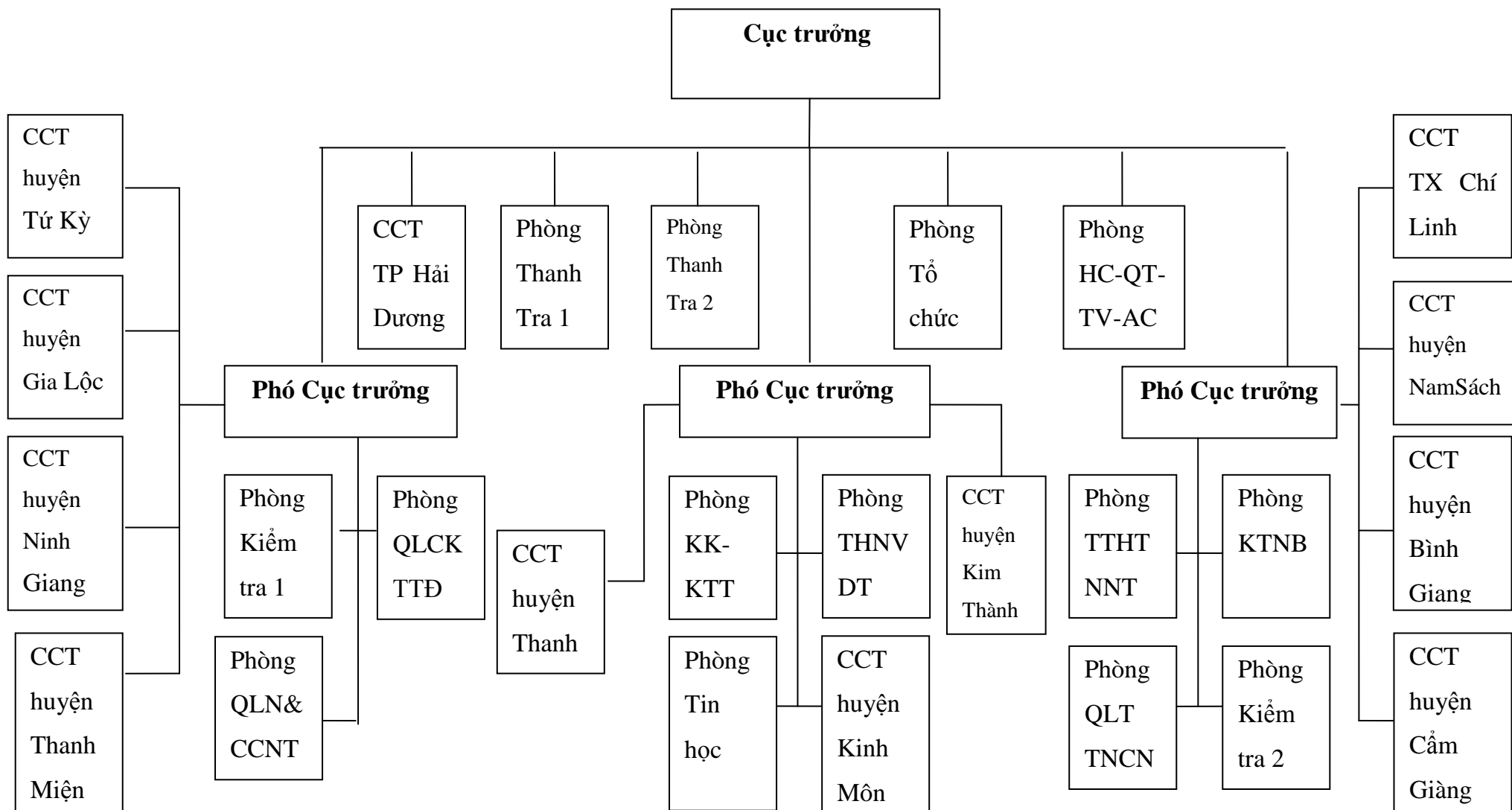
### **2.2.1. Cơ cấu tổ chức của Cục Thuế tỉnh Hải Dương**

Cục thuế tỉnh Hải Dương được thành lập theo quyết định 1134/TC-QĐ-TCCB ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thực hiện Theo quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh Hải Dương là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo quy định của pháp luật thuế; đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo số thu cho ngân sách Nhà nước, Cục thuế tỉnh Hải Dương còn phải thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng cục thuế giao, kiến nghị với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy định của Tổng cục Thuế về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ; kịp thời báo cáo với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về những vướng mắc phát sinh, những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Cục Thuế và đảm bảo thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Cục thuế tỉnh Hải Dương hiện nay có 01 Cục trưởng và 03 phó cục trưởng giúp Cục trưởng quản lý các công việc chuyên môn. Cục thuế tỉnh Hải Dương có 14 phòng chức năng và 12 Chi cục thuế trực thuộc (Là các Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương). Các phòng chức năng tiếp quản lý và thực hiện những nhiệm vụ Cục trưởng giao cho.



*Sơ đồ 1: Mô hình phân cấp quản lý tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương*

***\* Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng***

Những năm trở lại đây nhất là từ khi Luật quản lý thuế ra đời, bộ máy quản lý thuế ở cơ quan thuế các cấp được cải cách theo hướng tổ chức tập trung theo các chức năng: tuyên truyền, hướng dẫn cơ sở kinh doanh; theo dõi, xử lý việc kê khai thuế; đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thuế; kiểm tra, thanh tra thuế nhằm chuyên môn hoá, nâng cao năng lực quản lý thuế ở từng chức năng.

Trên cơ sở tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng, cơ quan thuế phân định rõ chức năng nhiệm vụ giữa các phòng, ban, bộ phận, giữa cấp trung ương và cấp địa phương, trong đó tăng cường vai trò của cấp trung ương trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của các địa phương. Tương ứng với việc cải cách về bộ máy tổ chức, cán bộ thuế được đào tạo, có đủ kiến thức, năng lực để thực hiện kỹ năng quản lý thuế chuyên sâu (tính chuyên nghiệp cao) theo từng chức năng quản lý.

Theo Quyết định số 728/QĐ-TCT ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Cục Thuế được quy định cụ thể như sau:

*Phòng Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý

*Phòng Kê khai và Kế toán thuế:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ kê khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

*Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý.

*Phòng Kiểm tra thuế:* Giúp Cục trưởng Cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục Thuế.

Phòng kiểm tra được chia làm 2 phòng kiểm tra phân theo đối tượng quản lý và lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Phòng kiểm tra 1 quản lý các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Tỉnh Hải Dương.

- Phòng kiểm tra 2 quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, dầu khí, bảo hiểm trên địa bàn tỉnh.

*Phòng Thanh tra thuế:* Giúp Cục trưởng Cục thuế triển khai thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến người nộp thuế thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý.

*Phòng Tổng hợp – Nghiệp vụ - Dự toán:* Giúp Cục trưởng Cục thuế trong việc chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý.

*Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức, chỉ đạo triển khai quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với các cá nhân có thu nhập thuộc diện phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý;

*Phòng Kiểm tra nội bộ:* Phòng kiểm tra nội bộ được thành lập để phù hợp với những quy định của luật Quản lý thuế. Có chức năng giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Cục trưởng Cục thuế.

*Phòng Tin học:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo cán bộ thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý.

*Phòng Tổ chức cán bộ:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, biên chế, tiền lương, đào tạo cán bộ và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ Cục thuế.

*Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ:* Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý và hướng dẫn các nghiệp vụ về ấn chỉ thuế trong toàn Cục thuế.

### **2.2.2. Tình hình nhân sự của Cục Thuế tỉnh Hải Dương**

Đội ngũ cán bộ công chức của Cục thuế Hải Dương tính đến 31/12/2015 là 758 cán bộ công chức. Tại văn phòng Cục thuế có 150 cán bộ chiếm 19,7% được tổ chức thành 14 phòng chức năng. Tại 12 chi cục thuế huyện, thành phố, thị xã có 608 cán bộ chiếm 80,3% được tổ chức thành 114 đội thuế, trong đó có 36,4% cán bộ đảm nhiệm quản lý thuế các hộ kinh doanh cá thể.

#### **(1) Phân theo trình độ:**

- Thạc sỹ	28 người (3,7%)
- Đại học	638 người (84,2%)
- Cao đẳng, trung cấp	80 người (10,5%)
- Sơ cấp	12 người (1,6%)

#### **(2) Phân theo chức năng:**

- Cán bộ Tuyên truyền hỗ trợ	71 người (9,4%)
- Cán bộ Kế khai – Kế toán thuế	102 người (13,5%)
- Cán bộ Thanh tra, kiểm tra	167 người (22%)
- Cán bộ QLN và cưỡng chế nợ	62 người (8,2%)
- Cán bộ đội thuế liên xã, phường	219 người (28,9%)
- Cán bộ công chức còn lại	137 người (18%)

**Bảng 2.1 : Biên chế công chức ngành thuế Hải Dương giai đoạn 2013-2015**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Tổng số</b>	<u>685</u>		<u>707</u>		<u>758</u>	
1	Cán bộ thuộc VP Cục	136	19,9	154	21,8	150	19,8
2	Cán bộ thuộc các CCT	549	80,1	553	78,2	608	80,2

<b>II</b>	<b>Phân theo chức năng</b>						
1	Cán bộ Tuyên truyền - Hỗ trợ	80	11,7	71	10,04	71	9,4
2	Cán bộ Kê khai - Kế toán thuế	80	11,7	95	13,4	102	13,5
3	Cán bộ Thanh tra, kiểm tra	121	17,6	145	20,5	167	22,0
4	Cán bộ cưỡng chế nợ thuế	50	7,3	62	8,8	62	8,2
<b>III</b>	<b>Phân theo trình độ</b>						
1	- Thạc sỹ	9	1,3	15	2,1	28	3,7
2	- Đại học	472	68,9	498	70,4	638	84,2
3	- Cao đẳng, trung cấp	192	28,0	182	25,7	80	10,6
4	- Sơ cấp	12	1,8	12	1,7	12	1,6

(Nguồn: Số liệu theo dõi của Cục thuế Hải Dương)

Qua bảng trên cho thấy nguồn cán bộ của ngành thuế Hải Dương có trình độ nhất định. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập, liên kết kinh tế trong khu vực tiến tới toàn cầu hoá kinh tế là tất yếu khách quan ảnh hưởng tới ý thức của NNT và thanh tra, kiểm tra trong cơ quan quản lý thuế. Mặc dù ngành thuế Hải Dương đã có quyết tâm, cố gắng hàng năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, song với yêu cầu ngày càng cao, đòi hỏi cán bộ, công chức thuế phải nâng cao chất lượng, vì tốc độ tăng trưởng cả về chất và lượng của NNT làm ảnh hưởng đến công tác quản lý thu.

### **2.3. Thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

#### **2.3.1. Những đặc điểm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, những năm vừa qua tỉnh Hải Dương đã nỗ lực tạo môi trường đầu tư thuận lợi, làm tiền đề cho thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước đạt được những bước tiến rõ rệt, đặc biệt là thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).



Trước năm 2007, trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 132 dự án FDI đến từ 21 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 1.461,2 triệu USD, vốn thực hiện 561,1 triệu USD. Các dự án đầu tư nước ngoài (ĐTNN) chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như may mặc, da giày, sản xuất xi măng, lắp ráp ô-tô, sản xuất dây và cáp điện, gia công, lắp ráp các bộ phận linh kiện điện tử, thiết bị văn phòng...

Kể từ sau năm 2007, thu hút các dự án FDI vào Tỉnh đã có sự thay đổi đáng kể về quy mô, chất lượng đối với từng dự án, cùng với đó là lượng vốn đầu tư thực hiện của các doanh nghiệp tăng lên nhanh chóng. Tính đến hết năm 2008, trên địa bàn tỉnh đã có 199 dự án FDI đến từ 23 Quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư đăng ký 2.304,8 triệu USD, tổng lượng vốn đầu tư thực hiện đạt 1.131,7 triệu USD, bằng 49,1% tổng lượng vốn đầu tư đăng ký, gấp đôi so với tổng lượng vốn đầu tư thực hiện trước năm 2007.

Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nên dòng vốn đầu tư vào Việt Nam đã bị suy giảm, cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài giữa các tỉnh, thành trong cả nước cũng ngày càng trở nên gay gắt.

Năm 2014 tình hình thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn Hải Dương sôi động và khởi sắc, tăng cả về số lượng cũng như quy mô vốn đầu tư so với năm trước (tăng 75% về số lượng dự án và gấp 6,3 lần vốn đầu tư so với năm trước). Năm 2014 tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 36 dự án, với tổng vốn đăng ký 395 triệu USD (17 dự án ngoài KCN số vốn 71,9 triệu USD, 18 dự án trong KCN vốn 323 triệu USD). Các doanh nghiệp tích cực tăng vốn đầu tư, tăng quy mô mở rộng sản xuất kinh doanh, lượng hàng tồn kho đã giảm, đơn đặt hàng gia tăng... Một số doanh nghiệp tiêu biểu như Cty Mitall, Cty Brother, Cty Mizyho Precision, Cty Bom Ebara, Cty thức ăn chăn nuôi Hoa Kỳ... Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng so với năm trước.

Đến nay, Hải Dương cũng đã thu hút được một số dự án có quy mô vốn đầu tư lớn như:

Công ty TNHH điện lực Jaks Hải Dương (nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương), cấp ngày 30/6/2011, tổng vốn đầu tư 2,258 tỷ USD, do Jaks Pacific Power Ltd (Hong Kong) đầu tư với mục tiêu thiết kế, xây dựng vận hành và chuyển giao một nhà máy nhiệt điện đốt than.

Công ty TNHH Dệt Pacific Việt nam, cấp ngày 7/4/2011, tổng vốn đầu tư 425 triệu USD, do Công ty TNHH PCGT (Hồng Kông) đầu tư với mục tiêu sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt kim.

Công ty xi măng Phúc Sơn – Hải Dương, cấp ngày 06/01/1996, tổng vốn đầu tư đăng ký 265 triệu USD, do World Cement (singapore) Pty.,Ltd đầu tư với mục tiêu sản xuất xi măng tại Hải Dương.

Công ty TNHH bệnh viện quốc tế Đại An Việt Nam - Canada, cấp phép ngày 20/2/2014 của nhà đầu tư Tripple Eye Infrastructure Corporation (Canada). Tổng vốn đầu tư dự án là 260 triệu USD, hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện đa khoa và các dịch vụ y tế liên quan.

Công ty TNHH Adien Việt Nam, cấp ngày 14/11/2006, tổng vốn đầu tư 120 triệu USD, do Công ty TNHH Adien và Công ty TNHH Mitsui (Nhật Bản) đầu tư với mục tiêu sản xuất chế tạo, lắp ráp các bộ phận chi tiết, linh kiện sản phẩm điện tử, màn hình LCD.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn còn bộc lộ nhiều hạn chế đó là chi tập trung vào hoạt động gia công, lắp ráp, nguyên vật liệu chủ yếu nhập khẩu nên giá trị gia tăng chưa cao, các hoạt động sản xuất kinh doanh ở một số doanh nghiệp còn chưa ổn định, một số các doanh nghiệp chưa chấp hành nghiêm các quy định về môi trường, phòng chống cháy nổ, lao động, chế độ báo cáo.

Một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư không triển khai, hoặc chỉ triển khai san lấp mặt bằng rồi để đấy, có doanh nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc hết thời hạn hoạt động và chủ đầu tư đã rời khỏi Việt Nam để lại toàn bộ tài sản đầu tư trên đất cũng như các công nợ.

Hiện nay chưa có quy định về trình tự giải quyết phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động đối với các trường hợp này, dẫn đến các tài sản, máy móc thiết bị xuống cấp giảm giá trị do lưu kho lâu ngày, nhà xưởng của doanh nghiệp vẫn chiếm dụng đất đai, gây lãng phí; bên cạnh đó những tồn tại công nợ như nợ lương công nhân, thuế, bảo hiểm, ngân hàng...không được giải quyết. Hải Dương rất cần có những điều khoản quy định của Chính phủ về việc giải thể đối với những trường hợp nhà đầu tư vắng mặt và quy định về hội đồng thanh lý tài sản khi không có nhà đầu tư, đồng thời quy định chặt chẽ hơn về thủ tục chứng minh pháp lý và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

Do tình hình kinh tế khó khăn, nhiều doanh nghiệp phát sinh nhu cầu cho thuê lại nhà xưởng do phải thu hẹp quy mô sản xuất; hoạt động cho thuê lại nhà xưởng tăng cao đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước. Đa số các dự án cho thuê lại có quy mô nhỏ, hoạt động mang tính tạm thời nên rất dễ dẫn đến tình trạng tranh chấp lao động, gây ô nhiễm môi trường, không đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy... Trên địa bàn còn tồn tại những doanh nghiệp hoạt động lỗ, thậm chí lỗ liên tục trong nhiều năm nhưng vẫn đầu tư, mở rộng sản xuất, doanh thu qua các năm đều tăng. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế thì các doanh nghiệp này thực hiện chuyên giá để trốn thuế, gây thất thoát lượng lớn, thiệt hại cho ngân sách nhà nước mỗi năm.

Trong khi đó khó khăn lớn nhất của Hải Dương trong công tác thu hút đầu tư nước ngoài là không có nhiều cơ hội được tiếp cận và lựa chọn các dự án đầu tư thực sự có chất lượng cao, có vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại. Vì vậy, các dự án thu hút được trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đa phần là các dự án có quy mô vốn nhỏ và trung bình, sử dụng công nghệ không cao, đóng góp ít vào ngân sách nhà nước. Thêm vào đó tỉnh cũng gặp khó khăn trong việc quảng bá các hình ảnh về tiềm năng môi trường và chính sách thu hút đầu tư của Hải Dương nên ít nhà đầu tư biết đến. Mặt khác, ngân sách của Hải Dương còn hạn hẹp nên không có nhiều cơ hội tổ chức và tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư.

### ***2.3.2. Tình hình thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương***

Đến nay khu vực ĐTNN đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, có vai trò đáng kể thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành kinh tế. Đầu tư nước ngoài tạo thêm một kênh quan trọng trong việc huy động vốn, làm tăng lượng vốn đầu tư xã hội tại địa bàn tỉnh Hải Dương, góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương. Tỷ lệ đóng góp của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN trong GDP của tỉnh tăng dần qua các năm: năm 2005: 13,8%, năm 2008: 16,4%, năm 2011: 17,7% và năm 2012 là 17,8%. Cơ cấu giá trị sản xuất của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN trong tổng giá trị sản xuất toàn Tỉnh cũng tăng dần từ 20,2% năm 2006 lên 24,8% năm 2008; 29,6% năm 2011 và 31,1% năm 2012.

Thu từ khu vực kinh tế có vốn ĐTNN cũng ngày càng tăng, đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách nhà nước tại địa bàn.

Khu vực kinh tế có vốn ĐTNN phát triển đã góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh cạnh tranh, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu, đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp trong nước. Khu vực này cũng góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề. Đây là một kênh hết sức quan trọng tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Các doanh nghiệp FDI tại địa bàn hiện đang thu hút khoảng 140.000 lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp cùng hàng ngàn lao động gián tiếp khác.

Hàng năm các doanh nghiệp là lực lượng chủ yếu đóng góp nguồn thu từ thuế vào ngân sách Nhà nước của tỉnh chiếm từ 85% -90% tổng thu NS của tỉnh. Đây chính là điều kiện để thực hiện các mục tiêu đầu tư, các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**Bảng 2.2: Số thu thuế Thu nhập doanh nghiệp toàn Cục thuế tỉnh Hải Dương  
(2013 – 2015)**

CHỈ TIÊU NĂM	2013		2014		2015		So sánh (%)		
	Giá trị (tỷ đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đ)	Cơ cấu (%)	14/13	15/14	BQ
Doanh nghiệp ĐTNN	198,6	27,93	249,7	36,79	444,0	37,48	125,73	177,81	149,5
Doanh nghiệp NN địa phương	10,1	1,42	10,8	1,59	17,4	1,47	106,93	161,11	131,3
Doanh nghiệp NN TW	160,2	22,53	116,5	17,16	397,5	33,56	72,72	341,20	157,5
Doanh nghiệp NQD	342,2	48,12	301,8	44,46	325,6	27,49	88,19	107,89	97,5
<b>Thuế TNDN toàn Cục thuế</b>	<b>711,1</b>	<b>100</b>	<b>678,8</b>	<b>100</b>	<b>1,184.5</b>	<b>100.0</b>	<b>95,46</b>	<b>174,50</b>	<b>129,0</b>

(Nguồn: Số liệu theo dõi của Cục thuế Hải Dương)

Có thể thấy rằng so sánh tổng mức đầu tư vào khu vực ĐTNN với đầu tư vào các khu vực khác trên địa bàn Hải Dương thì kết quả số thu về thuế TNDN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN chưa cao. Tỷ lệ này dao động và trung bình khoảng 27% so với số thu toàn Cục.

Theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh cho thấy, 48.92 % số doanh nghiệp báo cáo thua lỗ. Điều này lý giải vì sao tỷ lệ đóng góp cho ngân sách tỉnh của khối FDI khá thấp.

**Bảng 2.3: Báo cáo kết quả SXKD của các DN có vốn ĐTNN từ năm 2013 đến 2015 tại Cục thuế tỉnh Hải Dương**

Năm	Số DN ĐTNN	Tổng DT (Tỷ đ)	Số DN có lãi		Số DN SXKD lỗ	
			Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %
2013	216	60.304	106	49,07	110	50,93
2014	247	77.805	99	40,08	148	59,92
2015	252	68.826	128	51,08	124	48,92

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Từ bảng số liệu trên cho thấy tình hình các DN FDI báo cáo lỗ luôn chiếm một tỷ lệ rất cao trong tổng số các doanh nghiệp ĐTNN, trung bình 46,74%. Cục thuế tỉnh Hải Dương cho rằng có rất nhiều thủ thuật khiến cho DN rơi vào tình trạng lỗ giả, lãi thật như nâng chi phí vật tư, nâng định mức vật tư cao hơn giá trị thực tế là những thủ thuật phổ biến nhất.

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, các DN phải đương đầu với khó khăn về tài chính là dễ hiểu, nhưng việc các doanh nghiệp trong khi báo cáo làm ăn thua lỗ tới cả chục năm qua, cũng là quãng thời gian họ liên tục phát triển cả về doanh thu lẫn quy mô hoạt động.

Như vậy, có thể xảy ra hiện tượng gian lận thuế TNDN ở đây. Phương thức thực hiện những hành vi gian lận này rất đa dạng, thường thể hiện ở một số trường hợp chủ yếu sau:

\* Gian lận thuế thông qua doanh thu

- Doanh nghiệp có thể thực hiện giấu doanh thu bằng cách không kê khai doanh thu trong kỳ, điều chuyển doanh thu từ năm nay sang năm khác trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Xác định sai giá bán (thường là thấp hơn thực tế) để làm giảm doanh thu, ghi hóa đơn sai khác giữa các liên.

- Không kê khai doanh thu có được do chênh lệch về doanh thu hàng bán trả góp, trả từng lần, ứng trước.

\* Gian lận thuế thông qua chi phí

- Đưa chi phí không như lương, nguyên vật liệu, các khoản tiếp khách hoặc các chi phí không liên quan đến sản xuất kinh doanh của DN ...

- Điều chuyển chi phí từ năm này qua năm khác để hưởng chính sách ưu đãi thuế.

- Lợi dụng khoản chênh giữa chính sách tài chính và chế độ kế toán: VD như trong xác định khấu hao tài sản cố định chính sách tài chính quy định doanh nghiệp được xác định tuổi thọ để tính khấu hao của tài sản và phương pháp trích khấu hao

còn trong chế độ kế toán quy định khấu hao nhanh không vượt quá 2 lần khấu hao đường thẳng. Doanh nghiệp lợi dụng việc chưa đồng nhất nay để tăng chi phí.

- Hạch toán vượt mức các chi phí có liên quan hay trích trước các khoản trích không hợp lý, đưa vào đây các khoản chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí của các bên liên quan.

\* Thông qua thu nhập chịu thuế khác

Thông thường gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua thu nhập chịu thuế khác chủ yếu là việc không ghi nhận hoặc ghi nhận không đầy đủ các khoản như lãi do chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản, lãi vay, kinh doanh chứng khoán...

\* Thông qua chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế

Bên cạnh đó lợi dụng chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế (đặc biệt thông qua chính sách động viên thu hút vốn đầu tư nước ngoài) các doanh nghiệp thường gộp hoạt động không được ưu đãi về thuế vào hoạt động được hưởng ưu đãi.

\* Tình trạng chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Không chỉ thực hiện hành vi gian lận thuế thông qua ẩn lậu, trốn thuế một thực trạng cũng rất đáng báo động đang là một vấn đề nan giải trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là tình trạng chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

- Là hành vi thông đồng giữa các công ty của cùng một tập đoàn để thực hiện dàn xếp áp đặt về mặt giá cả giữa các công ty không dựa trên giá thị trường nhằm chuyển lợi nhuận từ nước này sang nước khác, tránh nộp thuế đầy đủ, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của tập đoàn.

- Là hoạt động mang tính chủ quan, cố ý của các tập đoàn đa quốc gia nhằm tối thiểu hóa số thuế phải nộp bằng cách định giá mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu giữa các công ty trong cùng một tập đoàn (còn gọi là các bên có giao dịch liên kết), không theo giá thị trường nhằm thu được lợi nhuận cao nhất.

Các công ty đa quốc gia với số chi nhánh rải khắp thế giới rất thuận lợi để thực hiện hành vi gian lận thuế của mình dựa trên sự chênh lệch về thuế suất thuế

Thu nhập doanh nghiệp, các quy định về miễn, giảm thuế giữa Việt Nam và các nước khác trên thế giới.

Phần lớn các quốc gia hiện nay thường chỉ quy định về chuyển giá đối với giao dịch quốc tế. Theo đó, giao dịch quốc tế được xác định là giao dịch giữa hai hay nhiều doanh nghiệp liên kết mà trong số đó có đối tượng tham gia là chủ thể không cư trú. Sự khác biệt chính yếu nằm ở sự cách biệt về mức thuế suất thuế TNDN của các quốc gia. Một giá trị lợi nhuận chuyển qua giá từ doanh nghiệp liên kết cư trú tại quốc gia có thuế suất cao sang doanh nghiệp liên kết ở quốc gia có thuế suất thấp. Ngược lại một lượng chi phí tăng lên qua giá mua sẽ làm giảm thu nhập cục bộ ở quốc gia có thuế suất thuế thu nhập cao. Trong hai trường hợp đều cho ra những kết quả tương tự là làm tổng thu nhập sau thuế của toàn bộ nhóm liên kết tăng lên.

Khía cạnh khác, các giao dịch trong nước có thể hưởng lợi từ chế độ ưu đãi, miễn giảm thuế. Thu nhập sẽ lại dịch chuyển từ doanh nghiệp liên kết không được hưởng ưu đãi hoặc ưu đãi với tỉ lệ thấp hơn sang doanh nghiệp liên kết có lợi thế hơn về điều này.

Việc xác định giá giao dịch giữa các thành viên của các bên liên kết không thay đổi tổng lợi ích chung nhưng có thể làm thay đổi tổng nghĩa vụ thuế của họ. Thông qua việc định giá, nghĩa vụ thuế được chuyển từ nơi bị điều tiết cao sang nơi bị điều tiết thấp hơn và ngược lại. Chẳng hạn như, công ty B và C đều là công ty con của tập đoàn A. Công ty B áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%. Công ty C kinh doanh ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn nên được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Khi B cung cấp vật tư cho C với giá thấp hơn giá thị trường giao dịch sòng phẳng thì làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của B giảm đi, còn lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của C tăng lên tương ứng. Phần lợi nhuận tăng lên ở công ty C chỉ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Nếu bán đúng giá thị trường thì phần lợi nhuận này nằm ở công ty B và phải chịu thuế suất 25%. Như vậy, nếu xét



riêng biệt thì công ty B thiệt, còn công ty C được lợi. Nhưng xét tổng thể thì tổng thuế phải nộp của cả hai công ty đã giảm đi.

Ví dụ trên cho thấy chuyển giá xuất hiện khi có những điều kiện nhất định. Đó là: Sự chênh lệch về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giữa các quốc gia khác nhau; có quy định nhiều mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với những đối tượng khác nhau trong một quốc gia, chẳng hạn như quy định các mức thuế suất ưu đãi thấp hơn thuế suất phổ thông; có các quy định về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn.

Tại Hải Dương, trường hợp điển hình có những biểu hiện đáng ngờ về chuyển giá phải nói đến công ty TNHH Formostar Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn Đài Loan kinh doanh trong ngành dệt may chuyên sản xuất và gia công sản phẩm may mặc.

Doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam vào năm 2002, đã đi vào hoạt động tại Việt Nam được hơn 10 năm. Công ty mua nguyên vật liệu và bán thành phẩm chủ yếu từ công ty mẹ tại Đài Loan và các liên kết tại nước ngoài. Chỉ một lượng nhỏ màu nhuộm, bao bì... được mua tại thị trường nội địa. Sau khi sản xuất sản phẩm, xuất khẩu phần lớn theo chỉ định của công ty mẹ, còn lại chủ yếu cũng cung cấp cho các cơ sở liên kết ở nước ngoài.

Trong quá trình hoạt động, công ty TNHH Formostar Việt Nam đã xin điều chỉnh tăng vốn đầu tư đăng ký (từ 22,1 triệu USD lên 80 triệu USD vốn đầu tư và từ 20 triệu USD lên 39 triệu USD vốn pháp định). Công ty cũng thay đổi chủ sở hữu 3 lần và đổi tên doanh nghiệp nhưng vẫn là một chủ đầu tư của Đài Loan. Tuy nhiên công ty kinh doanh lỗ liên tục từ khi bắt đầu kinh doanh.

Việc công ty TNHH Formostar Việt Nam liên tục mở rộng quy mô nhưng lại kinh doanh lỗ liên tục trong nhiều năm là một điều đáng nghi vấn. Bên cạnh đó, theo những số liệu cập nhật năm 2010, công ty mẹ tại Đài Loan có doanh thu 654 triệu USD và lãi trên 50 triệu USD. Mặt khác các giao dịch liên kết của công ty TNHH Formostar Việt Nam diễn ra rất chặt chẽ. Từ cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, thiết bị tới tiêu thụ hơn 80% sản phẩm đầu ra. Vì vậy, có thể nhận định nguyên

nhân gây lỗ ở đây là do công ty đã lợi dụng giá chuyển nhượng để chuyển thu nhập ra nước ngoài, gây lỗ giả thông qua kê khai giá nguyên vật liệu đầu vào thật cao và xuất bán thành phẩm với giá thấp. Qua thanh tra thuế để xác định nghĩa vụ nộp thuế trong 3 năm từ 2010-2012 đã xác định số thuế TNDN phải nộp là 17,61 tỷ đồng.

Trước vấn nạn chuyển giá ngày càng gia tăng, năm 2012, Tổng cục Thuế xây dựng chương trình thanh tra kiểm soát giá chuyển nhượng trong giai đoạn 2012-2015, đồng thời, quyết định thành lập Tổ quản lý giá chuyển nhượng. Chỉ tính trong 3 năm kể từ khi Tổng cục Thuế thành lập Tổ quản lý giá chuyển nhượng đã phát hiện nhiều vụ việc chuyển giá, với giá trị điều chỉnh rất lớn. Tại các Cục thuế địa phương đều đã quyết liệt thực hiện thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa tình trạng chuyển giá của các DN.

### ***2.3.3. Thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương***

#### ***2.3.3.1. Quản lý đăng ký thuế***

Hiện nay với sự hỗ trợ của hệ thống quản lý trên máy tính, toàn bộ các khâu từ cấp mã số thuế, nhận tờ khai, in thông báo thuế, lưu trữ dữ liệu, lập báo cáo... đều theo đúng quy định quản lý của Tổng cục hướng dẫn nên khâu thu thập thông tin về DN ở cục khá tốt, dữ liệu và thông tin cập nhật tương đối đầy đủ, chính xác và kịp thời. Vì vậy, việc xử phạt hành chính, chuyển đổi, ngừng hoạt động... của DN được cục thuế tỉnh Hải Dương nói riêng và ngành thuế nói chung quản lý được chặt chẽ nên việc nắm bắt tình hình NNT đã được dễ dàng hơn nhiều.

Thường xuyên kiểm tra, phối hợp đối chiếu số liệu giữa các chức năng quản lý, thông tin doanh nghiệp và dữ liệu trên hệ thống "TMS" của CQT đảm bảo kiểm soát, nắm bắt, theo dõi và quản lý thuế kịp thời. Chú trọng việc rà soát thông tin NNT trên ứng dụng, kịp thời đôn đốc NNT bổ sung thông tin thay đổi gửi CQT để cập nhật thông tin chính xác phục vụ cho công tác quản lý thuế. Năm 2015, ngành thuế Hải Dương đã cấp mới 1.093 MST mới; số DN tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn là 360 DN, số lượng DN chờ làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST do giải thể, chuyển đổi loại hình là 76 DN, số lượng DN tạm đóng cửa là 66 DN (*do DN bỏ trốn mất tích và đang chờ xác minh trụ sở NNT không nộp tờ khai*). Tổng số NNT được

cấp MST đang hoạt động đến thời điểm 31/12/2015 là 994.622 MST, bao gồm các DN và tổ chức là 7.937 MST, hộ kinh doanh cá thể là 53.579 MST, MST nộp thuế TNCN là 933.106 MST.

**Bảng 2.4: Tình hình cấp mã số thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục thuế**

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%)		
				14/13	15/14	BQ
Tổng số DN đã cấp MST	216	247	252	114,35	102,02	108
Trong đó: DN kê khai thường xuyên	198	223	233	117,67	112,62	108,48
- DN đăng ký cấp MST không hoạt động, không kê khai	18	24	19	133,3	105,5	102,7

(Nguồn: Số liệu theo dõi của Cục thuế Hải Dương)

Tính đến hết năm 2015 Cục thuế Hải Dương đã cấp mã số thuế cho 252 DN FDI đạt 102,02% so với năm 2014. Số DN kê khai thường xuyên chiếm 92,46% trên tổng số DN đã cấp mã số thuế; Số DN đăng ký cấp MST không hoạt động, không kê khai chiếm 7,54%.

### 2.3.3.2. Kê khai thuế

Thực hiện sự chỉ đạo của Tổng cục Thuế về góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, thời gian qua Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã triển khai đồng bộ và hiệu quả nhiều giải pháp thực hiện lộ trình cải cách hành chính thuế, nhất là việc kê khai thuế qua mạng, qua đó tạo thuận lợi cho người nộp thuế tiết kiệm chi phí về mặt thời gian và giảm tình trạng quá tải, áp lực, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Cục Thuế đẩy mạnh việc giám sát, đôn đốc kê khai thuế, nhờ đó công tác quản lý, giám sát kê khai thuế ngày càng chặt chẽ và tạo được những chuyển biến tích cực; Số lượng tờ khai phải nộp, đã nộp, nộp đúng hạn tăng lên cả về mặt số lượng và chất lượng, thể hiện ý thức chấp hành kê khai thuế của NNT đã được nâng lên (Tính đến ngày 31/12/2015 đã thực hiện 1.717 thông báo nhắc nộp tờ khai thuế, trong đó các loại tờ khai là 1.398 thông báo, quyết toán là 319 thông báo, các trường hợp nhắc nhở 03 lần không nộp đều được kiểm tra xác minh địa điểm).

Thực hiện các quy định về Đăng ký thuế, Quản lý kê khai thuế nhìn chung các DN có vốn ĐTNN đều chấp hành việc nộp tờ khai đăng ký, tờ khai thuế đúng hạn. Tuy nhiên chất lượng và nội dung tờ khai qua sự kiểm tra cũng phát hiện các chỉ tiêu kê khai còn thiếu sót không đáng kể như kê khai sai lỗi số học, kê khai nhầm chỉ tiêu...

**Bảng 2.5: Tình hình nộp tờ khai thuế Thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

Năm	Tình hình nộp tờ khai						Tình hình xử lý tờ khai		
	Số DN phải nộp tờ khai thuế	Số DN đã nộp tờ khai thuế	Tỉ lệ DN đã nộp tờ khai thuế (%)	Tỉ lệ DN chưa nộp tờ khai thuế (%)	Số DN nộp tờ khai đúng hạn quy định	Số DN nộp tờ khai quá hạn quy định	Số tờ khai đã xử lý	Số tờ khai có lỗi số học	Tỉ lệ tờ khai có lỗi số học (%)
2013	216	198	91,66	8,34	191	25	411	8	21,41
2014	247	223	90,28	9,72	234	13	560	6	15,36
2015	252	233	92,46	7,54	247	5	677	2	13,59

(Nguồn: Số liệu theo dõi của Cục thuế Hải Dương)

Số đối tượng nộp tờ khai thuế năm 2015 đạt 92,46% tăng 2,18% so với năm 2014. Tỷ lệ tờ khai sai sót năm 2015 giảm 1,77% so với năm 2014. Việc số lượng các doanh nghiệp nộp tờ khai thuế TNDN tăng là do Cục Thuế đã thực hiện nghiêm quy chế xử phạt vi phạm hành chính đối với những doanh nghiệp chậm nộp hồ sơ khai thuế. Qua đó, răn đe được các DN tổ chức thực hiện đúng các quy định, nghĩa vụ thuế.

### 2.3.3.3. Thu nộp thuế

Công tác quản lý thu nộp thuế nằm trong quy trình xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế và là bước tiếp theo khi cơ quan thuế đã kiểm tra tờ khai của doanh nghiệp và ra thông báo thuế.

**Bảng 2.6: Công tác thu nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Hải Dương**

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	So sánh (%)		
				14/13	15/14	BQ
<b>-Kế hoạch giao</b>	150	209	275	139,3	131,6	135,4
<b>-Số thuế phát sinh:</b>	<b>113,5</b>	<b>194,3</b>	<b>268,1</b>	<b>171,2</b>	<b>138,0</b>	<b>153,7</b>
+Số phát sinh kê khai	84,9	133,1	195,2	156,8	146,6	151,6
+Số phát sinh thêm khi quyết toán	28,6	61,2	72,9	214,0	119,1	159,7
<b>- Kết quả qua thanh tra, kiểm tra:</b>						
+ Truy thu và phạt	10,5	18,1	10,2	172,6	56,0	98,3
+ Giảm lỗ	127,4	106,4	155,4	83,5	146,1	110,4

(Nguồn: Số liệu theo dõi của Cục thuế Hải Dương)

Số thuế TNDN phát sinh so với kế hoạch giao năm 2015 đạt 97,49%. Số thuế TNDN truy thu qua thanh tra, kiểm tra so với số phát sinh chiếm 3,8%. Số lỗ giảm qua thanh tra, kiểm tra 155,4 tỷ tăng 46,1% so với năm 2014.

### 2.3.3.4. Quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế

Trong thời gian qua số doanh nghiệp ĐTNN bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với số thuế nợ đọng là không nhiều, các DN ĐTNN này thường chấp hành việc nộp số thuế phát sinh và số thuế truy thu qua thanh tra, kiểm tra tương đối tốt.

Việc áp dụng hình thức cưỡng chế nợ thuế trong thời gian qua, Cục thuế Hải Dương chủ yếu sử dụng 2 hình thức là trích tiền từ tài khoản ngân hàng của các DN

ĐTNN nếu tài khoản của các đối tượng này còn tiền, nếu không còn tiền hoặc số tiền còn không đủ để nộp thuế thì sẽ áp dụng tiếp hình thức thứ 2 là đình chỉ sử dụng hóa đơn.

**Bảng 2.7: Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (2013 – 2015)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%)		
				14/13	15/14	BQ
<b>Tổng số nợ</b>	<b>28,409</b>	<b>27,362</b>	<b>55,775</b>	<b>96,31</b>	<b>203,84</b>	<b>140,1</b>
- Nợ của ĐTNT giải thể, phá sản	22,45	22,48	22,89	100,13	101,82	101
- Nợ của ĐTNT bỏ trốn, mất tích	2	0,133	7	6,65	5263,2	187,1
- Nợ chờ xử lý	0,219	0,799	0,105	364,84	13,14	69,2
-Nợ khác	3,74	3,95	25,78	105,61	652,66	262,5

(Nguồn: Cục thuế Hải Dương)

Tổng số nợ bình quân 140,1% và có chiều hướng tăng cao trong năm 2015 vượt 103,84% so với năm 2014.

Từ những số liệu thống kê có được ta thấy vẫn có sự chênh lệch tương đối lớn giữa số kê khai, số phát sinh phải nộp bổ sung khi quyết toán và số kiểm tra. Hơn thế nữa tỷ lệ nợ thuế cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Điều này cũng xuất phát từ ý thức của một bộ phận nhỏ NNT còn chưa ý thức được tính chủ động và trách nhiệm của mình trong quá trình thực hiện tự khai, tự nộp. Trong thời gian vừa qua Cục thuế Hải Dương cũng đã tiến hành phân loại nợ, phân loại rủi ro trong tiến hành thanh kiểm tra, nhưng để giảm thiểu số nợ cần có nhiều biện pháp cụ thể hơn trong thời gian tới.

### 2.3.3.5. Thanh tra, kiểm tra thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế là phương tiện phòng ngừa, răn đe các hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Với tư cách là công cụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra thuế chính là hoạt động xem xét, kiểm tra tại trụ sở NNT thông qua đó nếu phát hiện hành vi vi phạm sẽ sử dụng các biện pháp chế tài bằng mệnh lệnh hoặc các quyết định hành chính nhằm ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những hoạt động quan trọng nhất trong việc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp khi mà ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế của NNT còn chưa cao. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương được giao cho hai phòng chuyên trách thực hiện: Phòng thanh tra thuế số 2 và phòng kiểm tra thuế số 2.

Ngay từ đầu năm, để hạn chế mức thấp nhất hiện tượng thất thu NSNN, Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giao cho các phòng thực hiện. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được lập dựa trên việc phân tích, đánh giá, lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế bằng ứng dụng lập kế hoạch thanhtra, kiểm tra (TPR) của ngành thuế và lựa chọn qua thực tiễn quản lý thuế nhận thấy có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp được quy định chi tiết tại quy trình thanh tra, kiểm tra thuế.

Qua thực tế triển khai tại một số doanh nghiệp có số lỗ lớn kéo dài bước đầu đã có kết quả nhất định đã truy thu, giảm số thuế khấu trừ, thu hồi tiền hoàn thuế, giảm lỗ nhiều tỷ đồng. Kết quả thanh tra khái quát chung nhất các doanh nghiệp ở khu vực này đều thực hiện hoạt động theo mô hình mẹ con (hầu hết có công ty mẹ ở nước ngoài); SXKD chủ yếu gia công xuất khẩu tập trung ngành may, giấy, lắp ráp ô tô, điện tử...Chịu sự điều phối của công ty mẹ ở nước ngoài như ký kết hợp đồng

đơn giá gia công rất thấp, cung cấp nguyên vật liệu do công ty mẹ đảm nhận, một số DN lỗ quá lớn lại được công ty mẹ hỗ trợ một phần để bù đắp...

**Bảng 2.8: Kết quả truy thu thuế hàng năm qua hoạt động thanh tra thuế**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%)		
				14/13	15/14	BQ
Số lượng DN thanh tra theo KH	22	24	30	109,09	125,00	116,77
Số thuế truy thu	10.536	18.125	10.154	172,03	56,02	98,17
- Trong đó: thuế TNDN	9.976	13.246	8.760	132,78	66,13	93,71
Phạt vi phạm hành chính	7.132	8.230	8.145	115,40	98,97	106,87
Giảm lỗ	129.663	106.409	155.373	82,07	146,01	109,47
BQ số thuế truy thu/1 DN	478,91	755,21	338,47	157,69	44,82	109,26

*(Nguồn: Cục thuế Hải Dương)*

Nhìn vào bảng 2.8 cho thấy số đối tượng nộp thuế được thanh tra tăng dần theo từng năm, cụ thể năm 2015 tăng 25% so với năm 2014. Số thuế truy thu giảm còn 66,13%. Tuy nhiên số lỗ giảm qua thanh tra tăng 46,01% so với năm 2014.

Thực hiện thanh tra các doanh nghiệp FDI cho thấy chủ yếu loại khỏi chi phí tính thuế, giảm lỗ các khoản chi phí sau:

- Chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu phải trả ngắn hạn, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm chưa đến hạn trả và chênh lệch tỷ giá tài khoản vay dài hạn xác định lại theo tỷ giá liên ngân hàng.

- Hạch toán vào chi phí không có hoá đơn, không phục vụ cho SXKD.

- Khấu hao tài sản cố định xác định không đúng theo quy định;

- Xác định không đúng doanh thu giữa hợp đồng với thực tế bán hàng;

- Ghi nhận doanh thu không căn cứ đơn giá gia công ghi trên hợp đồng;

- Giảm lỗ do DN xây dựng, mua sắm tài sản cố định hạch toán thẳng vào chi phí trong kỳ;



- Giảm lỗ do DN mua sắm công cụ, dụng cụ không phân bổ theo thời gian mà hạch toán thẳng vào chi phí trong kỳ;

- Giảm chi phí các khoản chi phí trích trước chưa chi...;

#### 2.3.3.6. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Để những nội dung của chính sách thuế đến với mọi người dân trong xã hội, cơ quan thuế cần phải tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế. Công tác này cần được thực hiện trước hết từ cán bộ thuế, mỗi cán bộ thuế là một tuyên truyền viên. Việc tập huấn nghiệp vụ về chính sách thuế cho các cán bộ ngành thuế thường được Cục Thuế tỉnh Hải Dương tiến hành ngay sau khi Nhà nước ban hành một chính sách thuế mới hoặc sửa đổi, bổ sung một chính sách thuế đã cũ. Qua đó, các cán bộ thuế nắm chắc được các chính sách thuế, mục đích và ý nghĩa và nội dung cụ thể của các chính sách thuế đó nhằm đáp ứng được nhiệm vụ chuyên môn.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tuyên truyền hỗ trợ chính là việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho năm thực hiện về số lượng các buổi tập huấn, gặp gỡ, giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp. Muốn luật thuế TNDN được áp dụng thành công cần phổ biến cho các tầng lớp lao động trong xã hội thừa nhận, ủng hộ và nhận thức đúng đắn về bản chất của nó. Chính vì vậy, cần tuyên truyền, vận động sâu rộng luật thuế TNDN sâu rộng trên phạm vi toàn tỉnh một cách đơn giản và dễ hiểu.

Ngoài công tác tuyên truyền, NNT cũng được hỗ trợ nắm bắt về chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến thuế TNDN, được giải đáp vướng mắc thông qua nhiều hình thức đa dạng như hỗ trợ qua điện thoại, qua thư điện tử, trả lời trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế, tập huấn chính sách thuế cho NNT, qua trang thông tin điện tử của ngành thuế. Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã phối hợp cùng các cơ quan liên quan biên soạn và phát hành các ấn phẩm tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân nộp thuế về nội dung cơ bản của Luật thuế TNDN.

Định kỳ hàng quý, năm Cục Thuế tỉnh Hải Dương tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa cơ quan thuế và người nộp thuế góp phần giải quyết vướng mắc trong thực thi chính sách pháp luật thuế của NNT.

Theo quy định của luật, ngày 31-3 là hạn cuối cùng các đối tượng nộp thuế phải thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Chính vì thế, càng gần đến thời điểm này, số lượng người đến giao dịch thực hiện quyết toán thuế rất đông. Vì vậy, tháng 3 hàng năm Cục Thuế triển khai “Tháng hỗ trợ người nộp thuế thực hiện chính sách thuế và quyết toán thuế”, tổ chức tuần lễ hỗ trợ người nộp thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

## **2.4. Đánh giá thực trạng quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

### ***2.4.1. Những ưu điểm***

Đã xây dựng hệ thống tổ chức quản lý thuế thống nhất ngày càng được củng cố và tăng cường về mọi mặt; chịu sự lãnh đạo song song của ngành dọc và cấp uỷ, chính quyền địa phương. Đội ngũ công chức quản lý thuế được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và phẩm chất. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế. Do đó hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý thuế ngày càng được nâng cao, góp phần quyết định vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu Ngân sách Nhà nước hàng năm.

Hiện tại cơ quan thuế được tổ chức theo mô hình chức năng đã hạn chế được tiêu cực trong công tác quản lý thuế theo kiểu "khép kín" trước đây. Từng bước thực hiện chuyên môn hoá trong quản lý thuế, nâng cao trình độ nghiệp vụ của công chức thuế.

Công tác quản lý thuế đã có những chuyển biến tích cực theo hướng rõ ràng, công khai, dân chủ và minh bạch hơn dần dần tiến tới chuyên nghiệp, hiệu quả.

Kết quả của những cuộc thanh tra kiểm tra đã cho thấy việc chuyển lợi nhuận tạo lỗ giả để gian lận thuế TNDN của các công ty ĐTNN tại Việt Nam là có thực cũng như mức độ nghiêm trọng của hành vi này. Đồng thời, việc cơ quan thuế thanh

tra, kiểm tra và xử lý hành vi gian lận thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng là một lời cảnh báo đối với các công ty đa quốc gia tại Việt Nam...

### **2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.4.2.1. Những hạn chế**

*Một là*, chưa tổ chức quản lý DN theo qui mô lớn, vừa, nhỏ: Quản lý thuế hiện nay đã có những quy trình quản lý cụ thể, các doanh nghiệp đều được quản lý giống nhau, tuy nhiên các doanh nghiệp có quy mô khác nhau thì sẽ có độ rủi ro cũng như cách hoạt động khác nhau.

*Hai là*, ứng dụng tin học vào quản lý thuế còn hạn chế: Để Quản lý thuế theo phương pháp hiện đại một cách hiệu quả, đòi hỏi ngành thuế phải áp dụng thành tựu của công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế, giúp tổ chức, cá nhân nộp thuế thực hiện việc kê khai, nộp thuế, tiếp nhận và sử dụng các dịch vụ thuế qua mạng máy tính.

*Ba là*, công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT còn hạn chế:

Các hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng còn đơn điệu, cứng nhắc, chưa gây được ấn tượng, thu hút công chúng. Việc tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về thuế chưa chủ động, chưa thường xuyên, liên tục, chưa thống nhất, đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

*Bốn là*, công tác thanh tra kiểm tra đối với các DN còn nhiều hạn chế, bất cập.

#### **2.4.2.2. Nguyên nhân.**

Công tác xây dựng và ban hành Luật thuế, Luật đầu tư còn thiếu tính ổn định. Có thể dễ dàng nhận thấy, văn bản quy phạm pháp luật về thuế ở Việt Nam thiếu tính ổn định lâu dài, thường xuyên phải thay đổi bổ sung. Điều này không chỉ tạo nên sự chông chéo mà còn khiến cho cán bộ ngành thuế gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong một số trường hợp trong thời gian giao thoa tiến tới thực hiện theo văn bản mới, các doanh nghiệp còn lợi dụng những kẽ hở này để thực hiện những hành vi gian lận thuế.

Một thực tế nữa là việc thi hành luật ở Việt Nam còn phải chờ đợi Nghị định và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ban ngành cho nên dù trên giấy tờ thời gian thi hành Luật đã có hiệu lực nhưng khi chưa có hướng dẫn thì những quy định mới này cũng chưa thể được thực hiện.

Tất cả những điều này đang gây một cản trở rất lớn đến công tác quản lý thuế nói chung và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói riêng. Nó gây ra tâm lý bất an đối với các doanh nghiệp làm ăn hợp pháp nhưng lại là kẽ hở lớn để những doanh nghiệp làm ăn thiếu minh bạch lợi dụng để thực hiện hành vi gian lận, trốn và tránh thuế.

Ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp còn thấp. Về phía đối tượng nộp thuế, do chưa nắm bắt được quyền lợi, nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật thuế nên ý thức tự giác chấp hành các qui định về thuế, về xác định giá đối với các giao dịch liên kết chưa cao.

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ đối tượng nộp thuế chưa linh hoạt, hiệu quả. Việc tổ chức công tác tuyên truyền về thuế chưa chủ động, không thường xuyên, liên tục cũng như chưa thật sự thống nhất, đồng bộ, chưa đi vào chiều sâu. Công tác tuyên truyền để xã hội nhận thức rõ tác động tiêu cực của hành vi gian lận thuế. Do đó, chưa gây được sức ép của công luận đối với các cơ sở kinh doanh đang thực hiện hành vi gian lận thuế...

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ thuế làm công tác chống gian lận thuế còn hạn chế. Nếu so với yêu cầu của công tác chống gian lận thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới ngày càng mở rộng và phức tạp thì đội ngũ cán bộ thuế hiện nay không thể đáp ứng. Đội ngũ cán bộ thuế làm công tác chống gian lận thuế còn thiếu kiến thức chuyên sâu, không chuyên nghiệp và thiếu kỹ năng quản lý thuế hiện đại. Khả năng phân tích, đánh giá và kỹ năng sử dụng máy tính để tính toán và xử lý các vấn đề phát sinh còn kém.

Mặt khác, một bộ phận nhỏ cán bộ thuế chưa có ý thức trách nhiệm trong công tác, thiếu rèn luyện và tu dưỡng về đạo đức tiếp tay cho những hành vi gian lận.... Đồng thời, do hiện nay ngành thuế còn thiếu những chuyên gia kinh tế, kỹ

thuật giỏi, hiểu biết sâu rộng về các ngành kinh tế, về kế toán quốc tế nên khi thực hiện việc phân tích hoạt động và tình hình tài chính của các cơ sở kinh doanh để phát hiện hành vi chuyển lợi nhuận để gian lận thuế rất hạn chế, làm cho công tác chống gian lận thuế tiến hành không triệt để, hiệu quả thấp.

Sự phối kết hợp giữa các cơ quan ban ngành khác với ngành thuế còn chưa hợp lý và gắn kết. Quản lý thuế chịu tác động của rất nhiều yếu tố từ phía ngành thuế, từ NNT đến môi trường xung quanh. Chính vì vậy để công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả thì không thể thiếu sự phối kết hợp của các cơ quan ban ngành khác.

**CHƯƠNG 3**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP  
DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC  
NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn**

**3.1.1. Quan điểm**

Cục Thuế tỉnh Hải Dương chỉ đạo thực hiện công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo đúng đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và quan điểm của Tổng cục Thuế. Cụ thể như sau:

*Đảm bảo công bằng trong nghĩa vụ thuế.*

Nguyên tắc cơ bản của thuế là phải công bằng, nghĩa là người nộp thuế phải có nghĩa vụ vật chất đối với NSNN phù hợp với thực tế thu nhập của mình, do vậy quan điểm xây dựng các biện pháp quản lý thuế phải coi trọng nguyên tắc này nhằm động viên sức lực người nộp thuế cho công cuộc xây dựng đất nước nói chung và xây dựng tỉnh Hải Dương nói riêng, qua đó gắn kết nghĩa vụ, quyền lợi của người nộp thuế với nghĩa vụ quyền lợi của quốc gia, như thế sự phát triển mới mang tính cộng đồng và bền vững.

Trong điều kiện hiện nay kinh tế còn chưa phát triển, ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế còn chưa tốt, tính tự giác chưa cao. Do vậy tăng cường các biện pháp quản lý thuế phải đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân, các tổ chức chi trả thu nhập góp phần vào việc thực hiện công bằng xã hội.

*Đảm bảo thực hiện đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.*

Hiệu quả quản lý thuế được đánh giá theo các chỉ tiêu như: hiệu quả thu, số thu thực tế so với dự toán giao, tốc độ tăng thu hàng năm. Ngoài ra hiệu quả quản lý thuế còn được đánh giá ở các tiêu chí khác như: ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế được nâng lên; số người kê khai thuế đúng hạn, chất lượng kê khai được nâng lên; kết quả thanh tra, kiểm tra thuế được nâng lên cả về số lượng và chất lượng; số nợ thuế phải giảm dần...

Củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy ngành thuế tỉnh Hải Dương phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới. Đào tạo đội ngũ cán bộ công chức thuế có năng lực, trình độ, có phẩm chất đạo đức, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng tập trung chủ yếu là cán bộ, công chức trong độ tuổi còn trẻ và trực tiếp làm việc tại các lĩnh vực theo chức năng quản lý thuế.

Thường xuyên nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, tăng thu cho NSNN. Tăng cường công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát tình hình kinh tế xã hội và các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách, chủ động tham mưu cho UBND các cấp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh góp phần ổn định kinh tế vĩ mô đóng góp tích cực nguồn thu cho ngân sách.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính hiện đại hoá ngành thuế, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN.

### **3.1.2. Định hướng**

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, trong bối cảnh kinh tế thế giới được nhận định tuy phục hồi nhưng vẫn còn chậm và nhiều khó khăn, giá dầu thô tiếp tục giảm sâu, dự báo có tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế và ảnh hưởng đến số thu, trong tỉnh một số nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn không còn tăng trưởng do các doanh nghiệp đã phát huy tối đa công suất. Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã định hướng công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn trong thời gian tiếp theo cụ thể như sau:

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, có vai trò to lớn đối với sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy ổn định, duy trì và nuôi dưỡng phát triển nguồn thu đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo môi trường bình đẳng, công bằng và hấp dẫn thu hút đầu tư. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo nguồn thu cho NSNN trong cân đối thu chi Ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế, Người nộp thuế thấy rõ được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc nộp thuế cho NSNN.

- Nâng cao năng lực quản lý thu thuế của công chức ngành thuế về nghiệp vụ chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp.

### **3.1.3. Mục tiêu**

Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống Thuế giai đoạn 2011-2020. Theo đó, mục tiêu cải cách thuế TNDN giai đoạn 2011-2020 là: Điều chỉnh giảm mức thuế suất chung theo lộ trình phối hợp để thu hút đầu tư tạo điều kiện để doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để đẩy mạnh đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh; đơn giản hóa chính sách ưu đãi thuế theo hướng hẹp về lĩnh vực, tiếp tục khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, dịch vụ chất lượng cao, lĩnh vực xã hội hóa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; bổ sung quy định về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; bổ sung các quy định để bao quát được các hoạt động kinh tế mới phát sinh trong kinh tế thị trường hội nhập và phối hợp với thông lệ quốc tế như: Hoạt động bán hàng đa cấp, thương mại điện tử, sự phát triển của các tập đoàn kinh tế, hiện tượng “vốn mông” khi xác định chi phí, đặc biệt là chi phí lãi vay, điều chuyển hoặc đánh giá lại tài sản khi tái cơ cấu doanh nghiệp, thỏa thuận trước về giá của các doanh nghiệp liên kết.

Với khẩu hiệu thi đua “*Đoàn kết, năng động, sáng tạo, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác thuế*”, Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã xây dựng mục tiêu, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ nói chung và thực hiện Luật thuế TNDN nói riêng giai đoạn 2016-2020 cụ thể:

- Phần đầu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm. Thi đua khai thác nguồn thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu có hiệu quả;



- Đẩy mạnh các biện pháp đôn đốc nợ đọng thuế, phấn đấu giảm số thuế nợ đọng xuống mức thấp nhất. Đẩy mạnh cải cách và hiện đại quản lý thu, hoàn thành vượt mức kế hoạch cải cách và hiện đại hóa đó được Tổng Cục Thuế phê duyệt.

- Nâng cao kỷ luật, kỷ cương nội ngành, cải cách lề lối làm việc, thái độ, tác phong ứng xử, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế.

- Triển khai hình thức kê khai thuế qua mạng Internet, phấn đấu đến hết năm 2016 có 100% doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng Internet và nộp thuế điện tử (khoảng trên 6.200 doanh nghiệp).

### **3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

#### **3.2.1. Cải cách thủ tục hành chính**

Mục tiêu và tiêu đề cơ bản của cải cách hành chính thuế là phải đảm bảo cho hệ thống chính sách thuế sao cho công bằng và hiệu quả, phải rõ ràng đơn giản, song phải chặt chẽ. Đồng thời phải tiến đến cơ chế đối tượng nộp thuế tự kê khai, tự tính thuế, và tự nộp thuế, cải tiến quy trình quản lý thuế, nâng cao trình độ của công chức ngành thuế,... Muốn đạt được điều đó, trước tiên phải xây dựng được một quy trình quản lý thuế phù hợp với điều kiện thực tiễn. Cải cách hành chính thuế trong công tác quản lý thuế không chỉ nhằm ngăn ngừa những sai phạm của đối tượng nộp thuế mà còn làm cho bộ máy quản lý thuế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình thêm thuận lợi. Đồng thời nó cũng là sự khuyến khích nâng cao tính tự giác của đối tượng nộp thuế.

Trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện có hiệu quả chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 20/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý thuế, tạo thuận lợi cho NNT, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh quốc gia.

Phát động phong trào cải cách TTHC trong toàn cơ quan thuế, rà soát các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý, giảm thiểu TTHC, giảm phiền phức cho NNT; Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh quốc gia. Trong đó, có việc giảm thời gian thực hiện TTHC thuế của NNT, đơn giản hóa TTHC.

Tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, báo cáo với các đồng chí thường trực tỉnh/thành ủy, thường trực UBND các tỉnh/ thành phố đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách, cải cách TTHC. Phối hợp giữa các cơ quan liên quan để khắc phục những tồn tại về quản lý, thu thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tiền thuê đất.

### ***3.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

Vừa qua ngành thuế cả nước đã khẳng định thời gian tới sẽ tập trung toàn lực cho việc quản lý thu thuế đối với các công ty đầu tư nước ngoài đặc biệt là tình trạng chuyển giá của các công ty này. Thực hiện tốt công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài sẽ góp phần hạn chế tình trạng chuyển giá của các công ty này gia tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo sự bình đẳng và công bằng về nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế, là điều kiện cần để tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh từ đó thu hút hơn nữa các nhà đầu tư, là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Một trong những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế là phải làm cho đối tượng nộp thuế hiểu được chính sách thuế của nhà nước, để đối tượng nộp thuế hiểu được nộp thuế vào NSNN vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ,... Do đó cần phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh; Đài truyền hình; các báo đài, tạp chí, bản tin chuyên ngành trong tỉnh để tuyên truyền hướng dẫn kịp thời các chính sách chế độ thuế cho mọi đối tượng nộp thuế biết và thực hiện. Cần tăng cường đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói riêng để giúp doanh nghiệp giải đáp thắc mắc, hiểu rõ luật thuế cũng như để thống nhất phương pháp làm việc giữa hai bên, nghe và phản hồi

ý kiến của các doanh nghiệp về chế độ chính sách,...để có căn cứ thực tế hoàn thiện chính sách chế độ thuế,... Cần tăng cường công tác tư vấn thuế miễn phí cho đối tượng nộp thuế.

Biên soạn và phát hành ấn phẩm tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm dưới dạng tờ rơi về nội dung cơ bản của các Luật thuế, hướng dẫn quy trình thủ tục về thuế ... theo hướng dễ nhớ, dễ hiểu và cung cấp miễn phí tại cơ quan thuế, ở nơi làm thủ tục đăng ký kinh doanh và các khu vực tập trung đông người như: chợ, siêu thị, ...

Triển khai hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp dưới nhiều hình thức, triển khai thường xuyên hơn chương trình lắng nghe ý kiến người nộp thuế, phát triển mạnh hình thức hỗ trợ doanh nghiệp qua thư điện tử hay trang thông tin điện tử của ngành thuế, xây dựng các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp qua điện thoại.

Tăng cường công tác điều tra khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp để nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phù hợp. Phân chia các nhóm doanh nghiệp theo các tiêu chí như quy mô, ngành nghề, loại hình ... để tổ chức hội nghị đối thoại phù hợp với đặc điểm và yêu cầu theo từng nhóm đối tượng.

Xây dựng đề án đánh giá sự hài lòng của NNT, trong đó, xác định rõ đối tượng tham gia đánh giá; Thời gian, chu kỳ thực hiện đánh giá; Các tiêu chí đánh giá phải đảm bảo được khả năng lượng hóa về tính đầy đủ, minh bạch, phù hợp của chính sách, về năng lực phục vụ của cán bộ thuế.

Đẩy mạnh phong trào viết tin, bài về thực trạng tình hình chỉ đạo, quản lý thu, tình hình nộp thuế của các doanh nghiệp, để các đối tượng nộp thuế thấy được tình hình thực tiễn từ đó nâng cao ý thức chấp hành các luật thuế.

Hàng tháng, quý, năm tổ chức tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm, tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận các vấn đề truyền đạt kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế.

### ***3.2.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm***

Để hoàn thiện hệ thống thuế ở nước ta hiện nay, một công tác quan trọng là phải xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Cần tăng cường hoạt động giám sát của

các cơ quan thanh tra thuế. Cần phát hiện nhanh những hành vi trốn thuế để từ đó thu đúng, thu đủ thuế cho ngân sách nhà nước. Cũng chính các cơ quan thanh tra sẽ góp phần phát hiện những sơ hở, hạn chế trong chính sách thuế, những sai phạm của chính các cán bộ thuế, của cơ quan thuế để có những xử lý kịp thời không để xảy ra tình trạng móc nối giữa doanh nghiệp với các cán bộ thuế dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước. Thực hiện được tốt công tác này sẽ góp phần giáo dục răn đe, từng bước đưa chính sách thuế vào nề nếp, kỷ cương

Chú trọng việc thanh tra, kiểm tra giá chuyển giao đối với các DN có nhiều thành viên; các ngành nghề có dấu hiệu rủi ro lớn về thuế do hành vi chuyển giá của DN liên kết, các DN đã và đang thực hiện tái cơ cấu có khả năng lợi dụng chuyển giá để tránh thuế. Đề xuất với TCT hỗ trợ Cục Thuế cơ sở dữ liệu của các giao dịch độc lập để so sánh và xác định giá thị trường của các giao dịch liên kết trong quá trình thanh tra giá chuyển nhượng.

Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về tổ chức, cá nhân nộp thuế và sử dụng phân tích thông tin, đánh giá rủi ro để xác định đúng đối tượng cần thanh tra, kiểm tra đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm tra hiệu quả của cơ quan thuế và tránh phiền hà cho tổ chức, cá nhân nộp thuế chấp hành tốt pháp luật thuế.

Đi đôi với việc đó, cần xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xây dựng nội dung thanh tra kiểm tra cụ thể với từng doanh nghiệp. cần thanh tra theo định kỳ hoặc đột xuất, không nhất thiết khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm mới thanh tra kiểm tra. Có như vậy, công tác thanh tra kiểm tra mới đạt được hiệu quả như mong muốn, mới buộc doanh nghiệp thực hiện trung thực trong kinh doanh, và thực hiện nghĩa vụ thuế.

Thêm nữa cần áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoá đơn, kiểm tra đối chiếu hoá đơn để việc thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao.

Tăng cường quyền hạn cho cơ quan quản lý thu: quyền cưỡng chế, điều tra khởi tố các vụ vi phạm về thuế.

Người nộp thuế phải thấy rằng hệ thống xử phạt nghiêm minh đang được áp dụng: Trường hợp không tuân thủ các yêu cầu về thuế cần phải áp dụng các hình thức xử phạt nghiêm khắc để ngăn chặn kịp thời việc không tuân thủ. Xây dựng và áp dụng các chế tài xử lý và cưỡng chế thuế đối với các hành vi gian lận, chây ì, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế... Nhưng đi đôi với việc nếu cần thiết phải xây dựng quy trình khiếu nại nhằm bảo vệ quyền của NNT, tránh tình trạng khi khiếu nại, phần thiệt thời thuộc về họ.

Người nộp thuế cần phải tin rằng các chương trình thanh tra thuế có hiệu quả: NNT phải thấy được các trường hợp không tuân thủ, gian lận về thuế sẽ bị phát hiện và khi đó sẽ phải chịu hình thức xử phạt thích đáng.

Bên cạnh đó, những trường hợp gian lận thuế, trốn thuế cần được xử lý triệt để, nếu có hành vi chống đối hoặc vi phạm nhiều lần thì cần có sự phối hợp can thiệp của các cơ quan ban ngành đủ thẩm quyền. Với những hành vi sai phạm về kê khai, nộp chậm thì cũng cần có những mức nộp phạt thích đáng. Và hơn hết là nghiêm trị các cán bộ ngành thuế tiếp tay cho đối tượng nộp thuế thực hiện hành vi gian lận thuế và trốn thuế.

#### ***3.2.4. Tăng cường công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế***

Là một trong những chức năng chính và cơ bản của Luật quản lý thuế, Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trong thời gian qua đã được ngành thuế đặc biệt quan tâm. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích cho người nộp thuế hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế đúng và đủ vào NSNN.

Chọn điểm một số doanh nghiệp có số nợ lớn, thời gian nợ đọng kéo dài, chây ì không nộp tiền thuế, chuyển cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật nhằm răn đe các đối tượng, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp.

Chủ động phối hợp với Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại, các

tổ chức tín dụng cung cấp, trao đổi thông tin theo quy định tại Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BTC-NHNN ngày 14/7/2010 của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước và các quy định của Luật Quản lý thuế để thu hồi nợ thuế thông qua tài khoản của các doanh nghiệp nợ thuế. Củng cố hồ sơ các trường hợp nợ thuế lớn, kéo dài; phối hợp với cơ quan công an bàn các biện pháp thu hồi nợ thuế, xác minh thông tin, tổ chức cưỡng chế thu nợ theo quy định của pháp luật;

Phối hợp với ngân hàng, tổ chức tín dụng khác đang nắm giữ tài sản thế chấp của các trường hợp nợ thuế, thực hiện cưỡng chế thu hồi nợ thuế thông qua tài sản thế chấp tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng. Phối hợp với cơ quan thi hành án để có biện pháp thu hồi nợ của các trường hợp phá sản còn nợ thuế.

Chú trọng tới công tác cán bộ, phân công cán bộ có năng lực chuyên môn và trách nhiệm cao làm việc trong bộ phận quản lý thu nợ thuế. Tăng cường về số lượng cán bộ và trẻ hóa cán bộ quản lý nợ để đáp ứng yêu cầu khai thác và quản lý nợ trên phần mềm của ngành.

### ***3.2.5. Tăng cường công tác tổ chức cán bộ***

Tổ chức công tác cán bộ là khâu then chốt quyết định đến sự thành công hay thất bại của công tác quản lý thu thuế. Các cán bộ trực tiếp quản lý có đáp ứng được yêu cầu quản lý thu thuế trong thực tiễn với sự phát triển của đối tượng nộp thuế hay không sẽ nói lên sự thành công hay thất bại của công tác quản lý thu thuế. Cán bộ thuế cần được đào tạo bồi dưỡng trở thành một đội ngũ có năng lực, thông thạo nghiệp vụ, đặc biệt có trình độ trong việc kiểm tra, quản lý doanh thu chi phí,... Để công tác cán bộ được làm tốt, đáp ứng yêu cầu quản lý, tương xứng với yêu cầu của công tác thuế trong giai đoạn hiện nay cần làm tốt một số vấn đề sau:

Vấn đề biên chế, trình độ, phẩm chất của cán bộ thuế. Đây là vấn đề được đặt ra như là một điều kiện cần thiết; Cần kiện toàn bộ máy ngành thuế theo hướng sử dụng ít nhân lực mà vẫn đủ khả năng đảm nhận đủ khối lượng công việc, có chất lượng quản lý cao. Song cần có cơ chế và biện pháp tạo điều kiện để cán bộ trẻ có năng lực vào các vị trí phù hợp với khả năng cũng như trình độ chuyên môn. Cần tuyển dụng những cán bộ có năng lực chuyên môn vững vàng, có phẩm chất nghề nghiệp. Cần có cơ chế giảm biên chế và biên chế hợp lý, hợp lệ.

Cần thường xuyên tận dụng, tổ chức các hình thức sinh động, thích hợp để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ chính trị, tư tưởng, đạo đức tác phong của cán bộ thuế. Cần điều chỉnh hành vi thái độ ứng xử của cán bộ thuế trong công tác thuế.

Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Thường xuyên đào tạo và đào tạo lại, nâng cao kỹ năng kiểm tra, thanh tra, chú trọng đào tạo theo từng kỹ năng chuyên sâu về phương pháp thanh tra chống chuyển giá, kỹ năng thanh tra một số chuyên ngành, kỹ năng kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, kiến thức kế toán doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính và khả năng sử dụng ứng dụng tin học, ngoại ngữ trong việc phân tích, khai thác thông tin và quản lý kiểm tra, thanh tra thuế.

Cần thường xuyên đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật thuế ngay trong nội bộ ngành thuế. Cần có những hình thức tập huấn, hướng dẫn những thay đổi trong các văn bản pháp luật về thuế cho cán bộ thuế, làm sao cán bộ thuế là người nắm rõ nhất và sớm nhất các văn bản pháp luật thuế.

### ***3.2.6. Phát triển, mở rộng công nghệ thông tin***

Hiện tại công nghệ thông tin đó và đang được triển khai để thực hiện quản lý thuế, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý. Trong điều kiện số lượng doanh nghiệp tăng nhanh, số lượng cán bộ thuế không thể tăng cùng với số lượng đối tượng, cơ quan thuế phải áp dụng công nghệ tin học. Để thực hiện chống hành vi gian lận thuế, cần triển khai sớm công nghệ tin học trên tất cả các lĩnh vực

Ví dụ như trong công tác đối chiếu số thuế GTGT, hay xác minh chi phí hợp lý hợp lệ để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, hiện nay chúng ta vẫn phải tiến hành xác minh hóa đơn một cách thủ công. Để xác minh một số hóa đơn đó được thực hiện kê khai thuế chưa, cán bộ thuế phải thực hiện xem trên bảng kê hóa đơn in trên giấy. Việc tìm kiếm trên bảng kê hóa đơn của một doanh nghiệp trong nhiều tháng với khối lượng thông tin lớn làm mất rất nhiều thời gian, công sức và rất dễ nhầm lẫn. Hay để xác minh tính chính xác của doanh thu, chi phí đó phát sinh của doanh nghiệp, cơ quan thuế phải tiến hành làm công văn gửi đến đơn vị giao dịch

với doanh nghiệp kê khai. Nếu sử dụng công nghệ thông tin vào hệ thống này thì công việc trở thành đơn giản, tiết kiệm được nhiều nhân lực và thời gian. Khi có dữ liệu nhập vào hệ thống trong khoảng thời gian ngắn với chương trình tin học đơn giản, sẽ có thể phát hiện tất cả các hóa đơn bất hợp pháp đó đưa vào khấu trừ thuế, từ đó có thể phát hiện các gian lận thuế. Để thực hiện được công tác này thì toàn bộ dữ liệu tờ khai thuế, bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán ra của doanh nghiệp phải được đưa vào hệ thống quản lý tại cơ quan thuế.

Tăng cường quản lý thông tin đối tượng nộp thuế trên hệ thống quản lý thuế bằng công nghệ tin học.

Để có thể thực hiện tốt được công tác quản lý đối tượng nộp thuế, chống gian lận thuế đạt hiệu quả cao cần có thông tin nhanh và nhiều chiều về đối tượng nộp thuế. Trên cơ sở có thông tin trên hệ thống quản lý về các đối tượng nộp thuế cơ quan thuế có thể phân tích, sàng lọc phát hiện sớm các hiện tượng nghi ngờ vi phạm và thực hiện việc thanh tra, kiểm tra kịp thời, tạo điều kiện phát hiện nhanh các hành vi vi phạm. Từ việc phát hiện nhanh được các hành vi vi phạm có điều kiện thực hiện các biện pháp cảnh báo, ngăn chặn chính xác và có hiệu quả.

Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo lưu giữ đầy đủ các dữ liệu về đối tượng nộp thuế, thực hiện cấp mã số thuế, kê khai thuế, hỗ trợ đối tượng nộp thuế và kết nối thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý thu.

Hệ thống thông tin chuẩn hoá về đối tượng nộp thuế gồm: thông tin về đặc điểm, vị trí, quy mô, tổ chức và cơ cấu doanh nghiệp; kết quả sản xuất kinh doanh; tình hình tài chính; hạch toán kế toán; tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế; thông tin về vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật thuế nói riêng và các thông tin kinh tế khác liên quan đến doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu cho công tác thanh tra: xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ, tin cậy và liên tục về đối tượng nộp thuế trong một khoảng thời gian nhất định (từ 3 đến 5 năm). Hệ thống thông tin này phải được chuẩn hoá để cho việc thu thập, xử lý và khai thác, sử dụng thống nhất trong toàn ngành từ trung ương đến địa phương.



Cụ thể là:

- Đầu tư trang thiết bị máy tính hiện đại cho trung tâm dữ liệu của cơ quan thuế Trung ương đảm bảo năng lực xử lý thông tin theo mô hình tập trung.

- Xây dựng hệ thống phần mềm ứng dụng xử lý thông tin phục vụ quản lý gồm: đăng ký thuế; xử lý tờ khai thuế; theo dõi đơn đốc nộp tờ khai; theo dõi nộp thuế, nợ thuế và tính phạt vi phạm về thuế; kế toán thuế; dự báo số thu.

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu, phần mềm phân tích đối tượng nộp thuế.

- Xây dựng và ban hành các nguyên tắc khai thuế, sử dụng thông tin và cơ chế bảo mật an toàn thông tin, dữ liệu thuế.

### **3.3. Một số kiến nghị**

#### **3.3.1. Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính**

Xây dựng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sao cho đảm bảo khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam nhưng cũng đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, công bằng giữa các thành phần kinh tế.

Việc tạo điều kiện miễn, giảm, ưu đãi thuế là việc làm cần thiết nhưng không nên áp dụng với thời gian dài vì điều này sẽ gây nên hiện tượng gian lận thuế và tạo nên tình trạng cạnh tranh thiếu công bằng cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Cũng cần xây dựng một cách chi tiết cách xác định đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp xét theo tiêu thức cư trú. Điều này vừa giúp cho chúng ta hoạch định rõ đối tượng nộp thuế cũng như thực hiện đúng như những hiệp định, cam kết quốc tế, tránh tình trạng phân biệt đối xử.

Nghiên cứu sửa đổi qui định về thẩm quyền của cơ quan thuế trong việc ấn định doanh thu tính thuế.

Đổi mới quy trình quản lý thuế : Quy trình cần đơn giản, các mẫu và thủ tục càng đơn giản càng tốt để NNT dễ hiểu và không nản lòng khi thực hiện các thủ tục này, việc hướng dẫn cách điền vào tờ khai phải được cung cấp miễn phí và sẵn có ở

địa điểm thuận tiện như ngân hàng, kho bạc, trang web, việc nộp tờ khai thuế dễ dàng không tiêu tốn thời gian và chi phí.

Cần phải đưa ra chế tài xử phạt thật nặng với những trường hợp có hành vi gian lận, trốn thuế.

### ***3.3.2. Kiến nghị với ủy ban nhân dân các cấp***

- Đề nghị Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu thực trạng tình hình kinh tế, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trên địa bàn để có ý kiến với Bộ tài chính xem xét giao dự toán thu trong năm cho Cục Thuế tỉnh Hải Dương.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hệ thống chính trị phối hợp với cơ quan thuế để tổ chức triển khai phát luật thuế và thu NSNN trên địa bàn đạt hiệu quả cao, đặc biệt tập trung rà soát các khoản còn tiềm năng như đất đai, khoáng sản, thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.

- Đề nghị UBND tỉnh giải quyết dứt điểm những tồn tại vướng mắc của các doanh nghiệp liên quan đến giải phóng mặt bằng, ưu đãi miễn giảm, các dự án đổi đất lấy công trình... để cơ quan thuế có thể thực hiện được các biện pháp mạnh thu hồi dứt điểm các khoản nợ đọng thuế nộp vào NSNN.

### ***3.3.3. Kiến nghị với các cơ quan, tổ chức khác liên quan***

- Sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành

+ Phối hợp trong tuyên truyền giáo dục: Công tác tuyên truyền đối tượng nộp thuế đóng một vai trò quan trọng trong chống gian lận thuế. Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, các cơ quan thông tin đại chúng phải phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền đến người dân, để nhân dân hiểu rõ bản chất và lợi ích của công tác thuế, phê phán, lên án mạnh mẽ các hành vi gian lận tiền thuế, tích cực hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện chống các hành vi gian lận thuế.

+ Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thương mại, Cơ quan quản lý thị trường quản lý tốt thị trường, không để tình trạng hàng hoá lưu thông không bình thường, tránh những trường hợp ghim giá, ép giá, găm hàng để đầu cơ, chống buôn lậu. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi giá cả thị trường để cùng nhau đưa ra giải

pháp xử lý đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường. Từ đó mới có thể đảm bảo được nguồn thu, và có thể thực hiện tốt được công tác quản lý thuế.

+ Phối hợp với các Bộ, Sở, Ban, Ngành của địa phương giúp các doanh nghiệp có thể ổn định được sản xuất kinh doanh, ổn định được giá cả đầu vào đầu ra hợp lý nhằm nâng cao chất lượng sản xuất và sản phẩm, tiết kiệm chi phí. Đồng thời cũng cần phối hợp với các cơ quan trên trong việc đồng quản lý, thông báo những vi phạm của các doanh nghiệp có liên quan, từ đó giúp cho công tác quản lý được tốt hơn.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh trong việc cung cấp thông tin về các đối tượng nộp thuế, về giấy phép đầu tư, về giấy phép kinh doanh, giấy phép điều chỉnh, tiến độ góp vốn,... để có thêm thông tin giúp ích trong việc quản lý.

+ Phối hợp trong điều tra chống gian lận.

Các hành vi gian lận thuế là các hành vi vi phạm pháp luật thuế trong đó có nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp, nếu không làm tốt công tác điều tra thì việc chống hành vi vi phạm thuế sẽ rất hạn chế. Để thực hiện tốt công tác điều tra phải có các cơ quan chuyên môn điều tra, việc phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra là quan trọng và vô cùng cần thiết, có tác dụng kết luận các hành vi gian lận và trừng trị, răn đe.

## KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, với việc phát triển ngày càng tăng lên về số lượng doanh nghiệp tại Việt Nam, các doanh nghiệp đã có những đóng góp đáng kể: Tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra và số thu từ thuế đã đóng góp một phần quan trọng trong công cuộc đổi mới của nền kinh tế nước ta; tuy nhiên, cùng với việc phát triển ngày càng tăng của doanh nghiệp sẽ kéo theo các hoạt động kinh tế hết sức mới mẻ, đa dạng, phong phú và cũng hết sức phức tạp đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ và định hướng đúng đắn của Nhà nước, để các doanh nghiệp phát huy tối đa vai trò của mình đối với phát triển nền kinh tế đất nước trong giai đoạn mới.

Với nội dung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN có thể rút ra một số vấn đề cơ bản sau:

- Thứ nhất: Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN trên địa bàn tỉnh Hải Dương cho thấy: Quản lý thuế là hoạt động tất yếu của Nhà nước nhằm thực hiện việc thu thuế vào NSNN. Nghiên cứu lý luận về quản lý thuế để làm rõ khái niệm, lý luận cơ bản về thuế TNDN và quản lý thuế TNDN. Từ đó, tạo điều kiện để nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ khi thực hiện theo Luật quản lý thuế đến nay.

-Thứ hai: Từ kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý thuế TNDN đối với DN có vốn ĐTNN tại tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở nghiên cứu và kế thừa, luận văn đã hệ thống hoá được các nội dung lý luận cơ bản về thuế TNDN và quản lý thuế TNDN. Qua phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN trên địa bàn tỉnh Hải Dương, luận văn đã thể hiện và chỉ rõ các kết quả chủ yếu, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản lý thuế.

-Thứ ba: Quản lý thuế nói chung và công tác quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói riêng là vấn đề rộng và phức tạp, chịu chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Để nâng cao công tác quản lý thuế cần phải quan tâm đổi mới đồng bộ các yếu tố trong hệ thống quản lý thuế và môi trường quản lý thuế.

- Thứ tư: Từ kết quả của việc nghiên cứu giải pháp tăng cường quản lý thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại tỉnh Hải Dương có thể rút ra kết luận là: Trong giai đoạn hiện nay việc hoàn thiện pháp luật quản lý thuế trước hết phải tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu về thuế; thúc đẩy công tác hiện đại hóa hệ thống thuế...

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thị Vân Anh (2014), *Nhận dạng hành vi gian lận của thuế xuất, nhập khẩu*, Tạp chí tài chính.
2. TS. Hoàng Văn Bằng (2009), *Giáo trình lý thuyết và chính sách thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. PGS. TS Nguyễn Thị Bất, *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
4. Bộ Tài chính (2011), *Quyết định 2162/QĐ-BTC ngày 08/9/2011 về việc phê duyệt kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2015*, Hà Nội
5. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế*.
6. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 156/2013/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2013 hướng dẫn Luật quản lý thuế*.
7. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 78/2014/TT-BTC ban hành ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*.
8. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 151/2014/TT-BTC ban hành ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế*.
9. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 7/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT\_BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính*.
10. Cục thuế tỉnh Hải Dương (2015), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2015 và giai đoạn từ năm 2013 – 2015*, Hải Dương.
11. Cục thống kê tỉnh Hải Dương (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2014*, Hải Dương.

12. ThS. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn của Cục thuế tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Thương Mại.

13. Ths. Nguyễn Văn Đảm (2013), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*, luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh trường Đại học Nha Trang.

14. PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, PGS.TS. Nguyễn Thị Liên (2007), *Giáo trình thuế*, Nxb Tài Chính, Hà Nội.

15. Nguyễn Ngọc Hùng (năm 2015), *Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp khắc phục thất thu thuế ở Việt Nam*, tham luận hội thảo bộ môn thuế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Quốc hội (2006), *Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ban hành ngày 29/11/2006*.

17. Quốc hội (2012), *Luật số 21/2012/QH13 ban hành ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế*.

18. Ths. Lê Bá Tiên (2012), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Đà Nẵng.

19. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình Cường chế nợ thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

20. Tổng cục Thuế (2014), *Quy trình Đăng ký thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

21. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình Kiểm tra thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

22. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình Quản lý thu nợ thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

23. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình Thanh tra thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

24. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình Tuyên truyền hỗ trợ Người nộp thuế*, Hà Nội (Tài liệu lưu hành nội bộ)

25. PGS. TS Lê Xuân Trường và TS. Nguyễn Đình Chiến (2013), *Nhận diện hành vi gian lận thuế*, Tạp chí tài chính.

#### TÀI LIỆU KHÁC

26. <http://tapchitaichinh.vn/co-che-chinh-sach/binh-luan-chinh-sach/cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-thue-buoc-dot-pha-tu-nhung-yeu-cau-buc-thiet-52777.html>

27. <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/nguyen-cuu-dieu-tra/nhan-dien-cac-hanh-vi-gian-lan-thue-32522.html>

28. <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/phap-luat-kinh-doanh/nhan-dien-cac-hanh-vi-gian-lan-thue-xuat-nhap-khau-54516.html>

29. <http://neu.tailieu.vn/doc/tai-lieu-thue-nhap-mon-thue-dh-kinh-te-quoc-dan-265579.html>